

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ,
CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/8/2024)

I. THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC

1. Cơ sở giáo dục đại học

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/ công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giao thông Vận tải	1.	Khai thác vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		2.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		3.	Kinh tế xây dựng	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	01/2017	Đạt 86%	23/3/2017	23/3/2022
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông)	VNU-CEA	01/2017	Đạt 88%	23/3/2017	23/3/2022
		6.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	VNU-CEA	10/2023	Đạt 88%	26/12/2023	26/12/2028
		7.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		8.	Kỹ thuật điện	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		9.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		10.	Kỹ thuật nhiệt	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		11.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028
		12.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2023	Đạt 90%	26/12/2023	26/12/2028

Lưu ý: Trước khi Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) hết thời hạn, cơ sở giáo dục cần chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, lựa chọn tổ chức KĐCLGD theo quy định để được tiếp tục đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong chu kỳ tiếp theo; bảo đảm quy định chu kỳ KĐCLGD cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo là 5 năm

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
2.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐH Quốc gia Hà Nội	13.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 90%	30/9/2017	30/9/2022
		14.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	3/2017	Đạt 82%	30/9/2017	30/9/2022
		15.	Quốc tế học	VNU-HCM CEA	4/2019	Đạt 88%	15/10/2019	15/10/2024
		16.	Lưu trữ học	VNU-HCM CEA	01/2020	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		17.	Báo chí	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		18.	Quan hệ công chúng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		19.	Khoa học quản lý	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		20.	Tôn giáo học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		21.	Việt Nam học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		22.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		23.	Quản trị văn phòng	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		24.	Đông phương học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		25.	Ngôn ngữ học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		26.	Triết học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		27.	Văn học	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 96%	06/7/2023	06/7/2028
		28.	Quản lý thông tin	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029
		29.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029
30.	Thông tin thư viện	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 96%	08/5/2024	07/5/2029		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
3	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	31.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	12/2017	Đạt 96%	02/7/2018	02/7/2023
		32.	Kế toán	VNU-HCM CEA	01/2018	Đạt 86%	02/7/2018	02/7/2023
		33.	Kinh tế	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		34.	Kinh tế phát triển	CEA-UD	10/2020	Đạt 90 %	07/02/2021	07/02/2026
		35.	Kinh tế quốc tế	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
		36.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2022	Đạt 90%	29/7/2022	29/7/2027
		37.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	07/3/2024	07/3/2029
		38.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	07/3/2024	07/3/2029
4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	39.	Sư phạm Hóa học (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	5/2018	Đạt 84%	04/4/2019	04/4/2024
		40.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2018	Đạt 80%	04/4/2019	04/4/2024
		41.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		42.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		43.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		44.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		45.	Giáo dục Đặc biệt	VNU-CEA	6/2021	Đạt 90%	10/9/2021	10/9/2026
		46.	Công tác xã hội	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		47.	Việt Nam học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		48.	Tâm lý học giáo dục	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		49.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		50.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		51.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		52.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		53.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		54.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		55.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
5	Trường Đại học Vinh	56.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		57.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 90%	04/4/2019	04/4/2024
		58.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2018	Đạt 92%	04/4/2019	04/4/2024
		59.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	10/2020	Đạt 94 %	04/02/2021	04/02/2026
		60.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	10/2020	Đạt 96 %	04/02/2021	04/02/2026
		61.	Luật Kinh tế	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 88%	21/6/2021	21/6/2026
		62.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		63.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 90%	21/6/2021	21/6/2026
		64.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-UD	12/2021	Đạt 98%	22/8/2022	22/8/2027
		65.	Sư phạm Địa lý	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	22/8/2022	22/8/2027
		66.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		67.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	22/8/2022	22/8/2027
		68.	Sư phạm Tiếng Anh	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		69.	Sư phạm Lịch sử	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		70.	Giáo dục thể chất	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		71.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		72.	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		73.	Quản lý giáo dục	VNU-CEA	4/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		74.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		75.	Luật	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		76.	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		77.	Kinh tế Xây dựng	VNU-CEA	4/2023	Đạt 96%	07/9/2023	07/9/2028
		78.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	4/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		79.	Quản lý giáo dục (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	05/8/2024	05/8/2029
		80.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 94%	05/8/2024	05/8/2029
		81.	Kỹ thuật xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 94%	05/8/2024	05/8/2029
		82.	Khoa học cây trồng (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 94%	05/8/2024	05/8/2029
		83.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 90%	05/8/2024	05/8/2029
6	Trường Đại học	84.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2019	Đạt 96%	01/4/2019	01/4/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Điều dưỡng Nam Định	85.	Hộ sinh	CEA-AVU&C	6/2022	Đạt 90%	18/10/2022	18/10/2027
		86.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 96%	02/01/2024	02/01/2024
7	Trường Đại học Sài Gòn	87.	Giáo dục tiểu học	VNU-HCM CEA	12/2018	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		88.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 80%	12/8/2019	12/8/2024
		89.	Sư phạm Lịch sử	VNU-HCM CEA	03/2019	Đạt 86%	12/8/2019	12/8/2024
		90.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 84%	14/12/2020	14/12/2025
		91.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	06/2020	Đạt 88%	14/12/2020	14/12/2025
		92.	Tài Chính - Ngân hàng	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		93.	Tài Chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2020	Đạt 80%	26/02/2021	26/02/2026
		94.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		95.	Toán - ứng dụng	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
		96.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 82%	28/4/2022	28/4/2027
		97.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	01/2022	Đạt 84%	28/4/2022	28/4/2027
		98.	Quản lý Giáo dục	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2028
		99.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2028
		100.	Sư phạm Địa lý	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2028
		101.	Sư phạm Vật lý	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	03/8/2023	02/8/2028
102.	Kế toán	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	03/8/2023	02/8/2028		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
103.		Giáo dục Mầm non	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 94%	03/8/2023	02/8/2028
104.		Sư phạm Sinh học	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 92%	03/8/2023	02/8/2028
105.		Toán giải tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2028
106.		Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	03/8/2023	02/8/2028
107.		Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2028
108.		Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	03/8/2023	02/8/2028
109.		Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	03/8/2023	02/8/2028
110.		Ngôn ngữ học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
111.		Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
112.		Việt Nam học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
113.		Quốc tế học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
114.		Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
115.		Giáo dục Chính trị	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
116.		Sư phạm Mỹ thuật	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 90%	10/5/2024	09/5/2029
117.		Sư phạm Âm nhạc	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 88%	10/5/2024	09/5/2029
118.		Tâm lý học	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 94%	10/5/2024	09/5/2029
119.		Thông tin - Thư viện	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 86%	10/5/2024	09/5/2029
120.		Quản trị văn phòng	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 86%	10/5/2024	09/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		121.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
		122.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
		123.	Kỹ thuật phần mềm	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 90%	10/5/2024	09/5/2029
		124.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
		125.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
		126.	Kỹ thuật điện	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 92%	10/5/2024	09/5/2029
8	Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh	127.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 82%	15/10/2019	15/10/2024
		128.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 90%	15/10/2019	15/10/2024
		129.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	3/2019 10/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		130.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 80%	27/4/2020	27/4/2025
		131.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 84%	27/4/2020	27/4/2025
		132.	Kế toán	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 90%	27/4/2020	27/4/2025
		133.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2019	Đạt 86%	27/4/2020	27/4/2025
		134.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		135.	Tài chính - ngân hàng	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		136.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		137.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		138.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		139.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	24/4/2022	24/4/2027
		140.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 90%	06/10/2022	06/10/2027
		141.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		142.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 94%	06/10/2022	06/10/2027
		143.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		144.	Công nghệ dệt, may	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		145.	Quản lý tài nguyên và môi trường	CEA-SAIGON	7/2022	Đạt 92%	06/10/2022	06/10/2027
		146.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 88%	30/6/2023	30/6/2028
		147.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	30/6/2023	30/6/2028
		148.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 92%	30/6/2023	30/6/2028
		149.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 88%	30/6/2023	30/6/2028
		150.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		151.	Khoa học chế biến món ăn	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		152.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		153.	An toàn thông tin	CEA-SAIGON	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
9	Trường Quốc tế-ĐHQG Hà Nội	154.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	5/2019	Đạt 94%	07/10/2019	07/10/2024
		155.	Hệ thống thông tin quản lý	VU-CEA	01/2024	Đạt 92%	09/5/2024	09/5/2029
		156.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	VU-CEA	01/2024	Đạt 92%	09/5/2024	09/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
10	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	157.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 96%	07/10/2019	07/10/2024
				VNU-CEA	3/2024	Đạt 94%	03/6/2024	03/6/2029
		158.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 88%	07/10/2019	07/10/2024
				VNU-CEA	3/2024	Đạt 92%	03/6/2024	03/6/2029
		159.	Dược học	VNU-HCM CEA	3/2019	Đạt 86%	14/12/2019	14/12/2024
				VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
		160.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	14/4/2022	14/4/2027
		161.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	14/4/2022	14/4/2027
		162.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	12/2021	Đạt 94%	05/5/2022	05/5/2027
		163.	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	12/2021	Đạt 88%	05/5/2022	05/5/2027
		164.	Luật Kinh tế	VU-CEA	12/2021	Đạt 92%	05/5/2022	05/5/2027
		165.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	05/5/2022	05/5/2027
		166.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 96%	27/01/2023	27/01/2028
		167.	Việt Nam học	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 98%	27/01/2023	27/01/2028
		168.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 92%	27/01/2023	27/01/2028
		169.	Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		170.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	16/02/2023	16/02/2028
171.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
172.		Du lịch (trình độ thạc sĩ)		CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
173.		Đông phương học		VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
174.		Quản lý tài nguyên và môi trường		VNU-CEA	9/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
175.		Thiết kế nội thất		VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
176.		Thanh nhạc		VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
177.		Y học dự phòng		VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
178.		Dược học		VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
179.		Quản trị khách sạn		VNU-CEA	3/2024	Đạt 94%	03/6/2024	03/6/2029
180.		Công nghệ thông tin		VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
181.		Quản trị kinh doanh		VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
182.		Tài chính – Ngân hàng		VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
183.		Du lịch		VNU-CEA	3/2024	Đạt 96%	03/6/2024	03/6/2029
184.		Marketing		VNU-CEA	3/2024	Đạt 94%	03/6/2024	03/6/2029
185.		Vật lý y khoa		VNU-CEA	3/2024	Đạt 90%	03/6/2024	03/6/2029
186.		Truyền thông đa phương tiện		VNU-CEA	3/2024	Đạt 88%	03/6/2024	03/6/2029
187.		Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử		VNU-CEA	3/2024	Đạt 92%	03/6/2024	03/6/2029
188.		Ngôn ngữ Anh		VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	19/7/2024	19/7/2029
189.		Kỹ thuật xét nghiệm y học		VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	19/7/2024	19/7/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		190.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	19/7/2024	19/7/2029
		191.	Thiết kế đồ họa	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	19/7/2024	19/7/2029
		192.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	19/7/2024	19/7/2029
11	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	193.	Kế toán	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		194.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		195.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	7/2019	Đạt 90%	14/10/2019	14/10/2024
		196.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	14/10/2019	14/10/2024
		197.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	9/2020	Đạt 90%	15/12/2020	15/12/2025
		198.	Kỹ thuật Dầu khí	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		199.	Kỹ thuật Mỏ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		200.	Kỹ thuật Môi trường	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		201.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		202.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	VU-CEA	9/2020	Đạt 92%	15/12/2020	15/12/2025
		203.	Kỹ thuật Xây dựng	VU-CEA	9/2020	Đạt 88%	15/12/2020	15/12/2025
		204.	Kỹ thuật điện	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		205.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
		206.	Quản lý đất đai	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	17/3/2023	17/3/2028
	Trường Đại học	207.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
12	Nam Cần Thơ	208.	Dược học	VNU-CEA	7/2019	Đạt 84%	12/10/2019	12/10/2024
		209.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	7/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		210.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	7/2019	Đạt 82%	12/10/2019	12/10/2024
		211.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		212.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027
		213.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		214.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	26/3/2022	26/3/2027
		215.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	05/01/2023	05/01/2028
		216.	Luật	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	05/01/2023	05/01/2028
		217.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
		218.	Xét nghiệm y học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 84%	05/01/2023	05/01/2028
		219.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		220.	Dược học	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		221.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		222.	Quan hệ công chúng	VNU-CEA	4/2024	Đạt 84%	12/8/2024	12/8/2029
		223.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	4/2024	Đạt 86%	12/8/2024	12/8/2029
		224.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	4/2024	Đạt 84%	12/8/2024	12/8/2029
225.	Luật kinh tế	VNU-CEA	4/2024	Đạt 86%	12/8/2024	12/8/2029		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		226.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 86%	12/8/2024	12/8/2029
13	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	227.	Điều dưỡng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		228.	Y tế công cộng	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
		229.	Dược học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 90%	12/10/2019	12/10/2024
14	Trường Đại học Đồng Tháp	230.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		231.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		232.	Giáo dục tiểu học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	12/10/2019	12/10/2024
		233.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		234.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		235.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		236.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		237.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		238.	Khoa học môi trường	VNU-CEA	01/2022	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		239.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2022	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		240.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		241.	Khoa học máy tính	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		242.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		243.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	16/12/2022	16/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		244.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	16/12/2022	16/12/2027
		245.	Việt Nam học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	16/12/2022	16/12/2027
		246.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CD)	VNU-CEA	6/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		247.	Kế toán	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		248.	Nông học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		249.	Sư phạm Âm nhạc	VNU-CEA	6/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		250.	Sư phạm Mỹ thuật	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		251.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		252.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	6/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
15	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	253.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		254.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	4/2019	Đạt 94%	14/10/2019	14/10/2024
		255.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		256.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		257.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		258.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		259.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2019	Đạt 92%	14/10/2019	14/10/2024
		260.	Giáo dục chính trị	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		261.	Giáo dục Thể chất	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		262.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 94%	10/01/2023	10/01/2028
		263.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		264.	Sư phạm tiếng Anh	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		265.	Sư phạm Tâm lý	VNU-CEA	10/2022	Đạt 88%	10/01/2023	10/01/2028
		266.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 92%	10/01/2023	10/01/2028
		267.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		268.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		269.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
		270.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	10/01/2023	10/01/2028
16	Trường Đại học Thủy lợi	271.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		272.	Quản lý xây dựng	VNU-CEA	5/2019	Đạt 86%	12/10/2019	12/10/2024
		273.	Kế toán	VNU-CEA	5/2019	Đạt 88%	12/10/2019	12/10/2024
		274.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		275.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		276.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		277.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		278.	Kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		279.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		280.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	VNU-CEA	5/2021	Đạt 88%	09/9/2021	09/9/2026
		281.	Kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2021	Đạt 90%	09/9/2021	09/9/2026
		282.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	09/9/2021	09/9/2026
17	Trường Đại học Hồng Đức	283.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		284.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	5/2019	Đạt 84%	14/10/2019	14/10/2024
		285.	Sư phạm Toán	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		286.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		287.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		288.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	3/2021	Đạt 86%	13/9/2021	13/9/2026
		289.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		290.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		291.	Luật	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		292.	Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		293.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2022	Đạt 92%	24/8/2022	24/8/2027
		294.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	4/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		295.	Chăn nuôi	VNU-CEA	4/2022	Đạt 90%	24/8/2022	24/8/2027
		296.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	4/2022	Đạt 88%	24/8/2022	24/8/2027
		297.	Khoa học máy tính	VNU-CEA	4/2023	Đạt 88%	21/6/2023	21/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		298.	Quản lý giáo dục	VNU-CEA	4/2023	Đạt 86%	21/6/2023	21/6/2028
		299.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		300.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		301.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		302.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		303.	Du lịch	VNU-CEA	4/2023	Đạt 90%	21/6/2023	21/6/2028
		304.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-CEA	4/2024	Đạt 86%	12/8/2024	12/8/2029
		305.	Kỹ thuật điện	VNU-CEA	4/2024	Đạt 84%	12/8/2024	12/8/2029
		306.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		307.	Lý luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 80%	12/8/2024	12/8/2029
		308.	Toán giải tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	4/2024	Đạt 80%	12/8/2024	12/8/2029
18	Trường Đại học Y Dược-Đại học Quốc gia Hà Nội	309.	Dược học	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 86%	14/12/2019	14/12/2024
		310.	Y Khoa	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 82%	08/10/2020	08/10/2025
19	Trường Đại học Giáo dục-ĐH Quốc gia Hà Nội	311.	Lý luận và Phương pháp dạy học môn Toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	10/2017	Đạt 94%	19/4/2018	19/4/2023
		312.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		313.	Sư phạm Toán học	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 94%	14/12/2019	14/12/2024
		314.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	14/12/2019	14/12/2024
		315.	Sư phạm Hoá học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		316.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		317.	Sư phạm Sinh học	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		318.	Sư phạm Vật lý	VU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		319.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 96%	03/5/2024	02/5/2029
		320.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 94%	03/5/2024	02/5/2029
		321.	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên (Trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2023	Đạt 96%	03/5/2024	02/5/2029
20	Trường Đại học Tài chính - Marketing	322.	Tài chính – Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		323.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 90%	16/12/2019	16/12/2024
		324.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		325.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	8/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		326.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-HCM CEA	7/2019	Đạt 98%	16/12/2019	16/12/2024
		327.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		328.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		329.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 88%	04/4/2022	04/4/2027
		330.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027
		331.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	20/5/2022	20/5/2027
		332.	Marketing	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		333.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		334.	Kinh doanh Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 94%	20/5/2022	20/5/2027
		335.	Bất động sản	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 88%	20/5/2022	20/5/2027
		336.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 86%	20/5/2022	20/5/2027
		337.	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 96%	20/5/2022	20/5/2027
		338.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		339.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		340.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		341.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		342.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
		343.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 88%	22/9/2023	22/9/2028
21	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	344.	Kế toán	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		345.	Công nghệ Thông tin	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 96%	16/12/2019	16/12/2024
		346.	Kỹ thuật điện	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		347.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 82%	24/4/2020	24/4/2025
		348.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		349.	Kỹ thuật cơ khí	VU-CEA	10/2020	Đạt 94%	28/5/2021	28/5/2026
		350.	Luật kinh tế	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		351.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		352.	Thiết kế thời trang	VU-CEA	10/2020	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		353.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		354.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		355.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		356.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	3/2021	Đạt 96%	04/4/2022	04/4/2027
		357.	Tâm lý học	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		358.	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		359.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		360.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		361.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		362.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		363.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 86%	27/02/2023	27/02/2028
		364.	Quản trị khách sạn	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 98%	18/11/2023	18/11/2028
		365.	Thiết kế đồ họa	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 92%	18/11/2023	18/11/2028
		366.	Thú y	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 100%	18/11/2023	18/11/2028
		367.	An toàn thông tin	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 100%	18/11/2023	18/11/2028
		368.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2024	Đạt 96%	12/8/2024	12/8/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		369.	Kiểm toán	VNU-CEA	5/2024	Đạt 96%	12/8/2024	12/8/2029
		370.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
22	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	371.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		372.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 96%	06/3/2020	06/3/2025
		373.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	10/2019	Đạt 92%	06/3/2020	06/3/2025
		374.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		375.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 92%	24/4/2020	24/4/2025
		376.	Công nghệ Thực phẩm	CEA-AVU&C	11/2019	Đạt 96%	24/4/2020	24/4/2025
		377.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		378.	Công nghệ Dệt, may	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		379.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	CEA-AVU&C	5/2020	Đạt 94%	08/10/2020	08/10/2025
		380.	Kinh doanh thương mại	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 92%	26/5/2022	26/5/2027
		381.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	26/5/2022	26/5/2027
		382.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 88%	02/01/2024	02/01/2029
		383.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		384.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		385.	Công nghệ Sợi, dệt	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029
		386.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	9/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
23	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	387.	Y học Dự phòng (Trình độ Thạc sỹ)	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 88%	24/4/2020	24/4/2025
		388.	Răng Hàm Mặt	CEA-AVU&C	7/2019	Đạt 86%	24/4/2020	24/4/2025
24	Trường Đại học Nha Trang	389.	Công nghệ chế biến thủy sản	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		390.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-HCM CEA	9/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		391.	Công nghệ sinh học	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		392.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-HCM CEA	01/2022	Đạt 94%	16/5/2022	16/5/2027
		393.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		394.	Kế toán	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		395.	Quản trị khách sạn	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		396.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 92%	28/4/2023	28/4/2028
		397.	Quản lý thủy sản	CEA-UD	5/2024	Đạt 90%	05/9/2024	05/9/2029
		398.	Công nghệ thực phẩm	CEA-UD	5/2024	Đạt 94%	05/9/2024	05/9/2029
		399.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-UD	5/2024	Đạt 92%	05/9/2024	05/9/2029
25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	400.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-HCM CEA	12/2019	Đạt 92%	27/4/2020	27/4/2025
		401.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		402.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026
		403.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026
		404.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	26/5/2021	26/5/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		405.	Marketing	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 92%	04/4/2022	04/4/2027
		406.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 94%	04/4/2022	04/4/2027
		407.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	01/2022	Đạt 92%	24/4/2022	24/4/2027
		408.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	01/2022	Đạt 94%	24/4/2022	24/4/2027
		409.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		410.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 90%	24/4/2022	24/4/2027
		411.	Luật quốc tế	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		412.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		413.	Thương mại điện tử	VNU-HCM CEA	9/2022	Đạt 94%	03/01/2023	03/01/2028
		414.	Quan hệ Quốc tế	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 96%	17/4/2023	17/4/2028
		415.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	17/4/2023	17/4/2028
		416.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	17/4/2023	17/4/2028
26	Trường Đại học Lâm nghiệp	417.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		418.	Quản lý tài nguyên rừng	VNU-CEA	10/2019	Đạt 94%	25/3/2020	25/3/2025
		419.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		420.	Công nghệ sinh học	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		421.	Công nghệ chế biến lâm sản	VU-CEA	3/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		422.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		423.	Lâm sinh	VU-CEA	3/2021	Đạt 88%	30/8/2021	30/8/2026
		424.	Kế toán	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		425.	Thiết kế nội thất	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	28/4/2023	28/4/2028
		426.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
		427.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 88%	28/4/2023	28/4/2028
27	Trường Đại học Thương mại	428.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		429.	Marketing	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		430.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		431.	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		432.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	VNU-CEA	01/2020	Đạt 90%	25/3/2020	25/3/2025
		433.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		434.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		435.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		436.	Hệ thống thông tin quản lý	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		437.	Quản trị nhân lực	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		438.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		439.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		440.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		441.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 94%	25/8/2022	25/8/2027
		442.	Kinh tế quốc tế	VNU-CEA	6/2022	Đạt 96%	25/8/2022	25/8/2027
		443.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 92%	25/8/2022	25/8/2027
		444.	Kiểm toán	VNU-CEA	01/2024	Đạt 98%	08/4/2024	08/4/2029
		445.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 94%	08/4/2024	08/4/2029
28	Trường Đại học Ngoại thương	446.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		447.	Kinh tế và phát triển quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 88%	25/3/2020	25/3/2025
		448.	Phân tích và Đầu tư tài chính	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		449.	Luật Thương mại quốc tế	VNU-CEA	01/2020	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		450.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		451.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		452.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 82%	14/9/2021	14/9/2026
		453.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	14/9/2021	14/9/2026
		454.	Kinh tế đối ngoại	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		455.	Ngân hàng	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		456.	Tài chính quốc tế	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		457.	Thương mại quốc tế	VNU-CEA	02/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		29	Trường Đại học	458.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Công nghệ Đồng Nai	459.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	9/2019	Đạt 86%	25/3/2020	25/3/2025
		460.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	10/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		461.	Kế toán	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		462.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	10/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		463.	Công nghệ Chế tạo máy	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
		464.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	11/6/2021	11/6/2026
		465.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026
		466.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		467.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		468.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VU-CEA	8/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
30	Trường Đại học Thủ Dầu Một	469.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		470.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	10/2019	Đạt 90%	30/3/2020	30/3/2025
		471.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	10/2019	Đạt 88%	30/3/2020	30/3/2025
		472.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	10/2019	Đạt 86%	30/3/2020	30/3/2025
		473.	Giáo dục học	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		474.	Luật	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		475.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		476.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VU-CEA	11/2020	Đạt 92%	26/02/2021	26/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		477.	Công tác xã hội	VU-CEA	01/2021	Đạt 90%	28/5/2021	28/5/2026
		478.	Kiến trúc	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		479.	Kỹ thuật xây dựng	VU-CEA	01/2021	Đạt 88%	28/5/2021	28/5/2026
		480.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		481.	Quản lý công nghiệp	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		482.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027
		483.	Quản lý đất đai	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		484.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
		485.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		486.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	01/8/2022	01/8/2027
		487.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	01/8/2022	01/8/2027
		488.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 88%	01/8/2022	01/8/2027
31	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	489.	Kế toán	VNU-CEA	10/2019	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		490.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	10/2019	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		491.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	VNU-CEA	10/2019	Đạt 84%	27/3/2020	27/3/2025
		492.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	VNU-CEA	01/2021	Đạt 90%	05/4/2021	05/4/2026
		493.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		494.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		495.	Công nghệ Thông tin	VNU-CEA	12/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		496.	Thủy văn học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		497.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	12/2021	Đạt 82%	30/3/2022	30/3/2027
		498.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		499.	Khí tượng và khí hậu học	VNU-CEA	12/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		500.	Kỹ thuật địa chất	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		501.	Quản lý biển	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		502.	Quản lý tài nguyên nước	VNU-CEA	12/2023	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		503.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		504.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
32	Trường Đại học Hà Nội	505.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	9/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		506.	Ngôn ngữ Nhật	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		507.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	9/2019	Đạt 90%	23/3/2020	23/3/2025
		508.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2020	Đạt 90%	26/02/2021	26/02/2026
		509.	Ngôn ngữ Đức	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		510.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	12/2020	Đạt 88%	26/02/2021	26/02/2026
		511.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026
		512.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	12/2020	Đạt 84%	17/6/2021	17/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		513.	Kế toán	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
		514.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 86%	04/5/2022	04/5/2027
		515.	Ngôn ngữ Italia	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		516.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		517.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	VNU-CEA	01/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		518.	Ngôn ngữ Nga	VNU-CEA	01/2024	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
33	Trường Đại học Tây Đô	519.	Kế toán tổng hợp	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		520.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2019	Đạt 82%	23/3/2020	23/3/2025
		521.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		522.	Dược học	VNU-CEA	12/2019	Đạt 84%	23/3/2020	23/3/2025
		523.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		524.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	01/2021	Đạt 82%	05/4/2021	05/4/2026
		525.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	01/2021	Đạt 86%	05/4/2021	05/4/2026
		526.	Luật kinh tế	VNU-CEA	01/2021	Đạt 88%	05/4/2021	05/4/2026
		527.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2022	Đạt 88%	25/8/2022	25/8/2027
		528.	Điều dưỡng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		529.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		530.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
34	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	531.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		532.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		533.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2019	Đạt 88%	03/4/2020	03/4/2025
		534.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		535.	Giáo dục Chính trị	VNU-CEA	12/2021	Đạt 92%	30/3/2022	30/3/2027
		536.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		537.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		538.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		539.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 90%	17/11/2023	17/11/2028
		540.	Sư phạm Vật lý	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
		541.	Tâm lý Giáo dục	VNU-CEA	9/2023	Đạt 92%	17/11/2023	17/11/2028
35	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	542.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		543.	Kế toán	VNU-CEA	01/2020	Đạt 82%	27/3/2020	27/3/2025
		544.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	01/2020	Đạt 80%	27/3/2020	27/3/2025
		545.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
		546.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	VNU-CEA	10/2021	Đạt 80%	26/3/2022	26/3/2027
		547.	Giáo dục mầm non	VNU-CEA	10/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		548.	Thú Y	VNU-CEA	10/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
36	Trường Đại học	549.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	01/2020	Đạt 86%	02/7/2020	02/7/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Quy Nhơn	550.	Sư phạm Hóa học	CEA-UD	01/2020	Đạt 82%	02/7/2020	02/7/2025
		551.	Kỹ thuật điện	CEA-UD	01/2020	Đạt 84%	02/7/2020	02/7/2025
		552.	Giáo dục Tiểu học	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		553.	Giáo dục Mầm non	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		554.	Kế toán	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		555.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		556.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		557.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90%	24/4/2021	24/4/2026
		558.	Quản lý Nhà nước	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		559.	Giáo dục Thể chất	CEA-UD	11/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		560.	Công tác xã hội	CEA-UD	11/2020	Đạt 94%	24/4/2021	24/4/2026
		561.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		562.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
37	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	563.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	6/2020	Đạt 80%	17/8/2020	17/8/2025
		564.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	09/01/2023	09/01/2028
38	Học viện Chính sách và Phát triển	565.	Kinh tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		566.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 86%	08/10/2020	08/10/2025
		567.	Quản trị Kinh doanh	CEA-AVU&C	6/2020	Đạt 88%	08/10/2020	08/10/2025
		568.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	3/2023	Đạt 84%	22/6/2023	22/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		569.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	22/6/2023	22/6/2028
39	Trường Đại học Văn Lang	570.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	20/11/2020	20/11/2025
		571.	Quản trị Khách sạn	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	20/11/2020	20/11/2025
		572.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	20/11/2020	20/11/2025
		573.	Kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 90%	15/6/2021	15/6/2026
		574.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 88%	15/6/2021	15/6/2026
		575.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	3/2021	Đạt 86%	15/6/2021	15/6/2026
		576.	Kinh doanh Thương mại	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		577.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		578.	Công nghệ Sinh học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		579.	Quản trị kinh doanh trình độ đại học	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		580.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 82%	06/11/2023	06/11/2028
		581.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 84%	06/11/2023	06/11/2028
		582.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 84%	06/11/2023	06/11/2028
		583.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
		584.	Đông phương học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 90%	22/02/2024	21/02/2029
		585.	Văn học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		586.	Tâm lý học	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		587.	Kỹ thuật phần mềm	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		588.	Quan hệ Công chúng	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
40	Trường Đại học Hòa Bình	589.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		590.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	8/2020	Đạt 82%	15/12/2020	15/12/2025
		591.	Thiết kế đồ họa	VU-CEA	8/2020	Đạt 84%	15/12/2020	15/12/2025
		592.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		593.	Kế toán	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		594.	Quản trị Kinh doanh	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		595.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	11/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
41	Trường Đại học Phan Thiết	596.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	11/2020	Đạt 82%	26/02/2021	26/02/2026
		597.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		598.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	11/2020	Đạt 84%	26/02/2021	26/02/2026
		599.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	11/2020	Đạt 86%	26/02/2021	26/02/2026
		600.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	31/7/2022	31/7/2027
		601.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027
		602.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	3/2022	Đạt 84%	31/7/2022	31/7/2027
		603.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2022	Đạt 80%	31/7/2022	31/7/2027
42	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	604.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
43	Trường Đại học	605.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-UD	11/2020	Đạt 88 %	04/02/2021	04/02/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Phạm Văn Đồng	606.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	11/2020	Đạt 86 %	04/02/2021	04/02/2026
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	607.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		608.	Khoa học máy tính	CEA-UD	11/2020	Đạt 90 %	04/02/2021	04/02/2026
		609.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	3/2023	96%	02/10/2023	02/10/2023
45	Trường Đại học Văn Hiến	610.	Công nghệ thông tin	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		611.	Quản trị khách sạn	CEA-UD	12/2020	Đạt 90%	08/3/2021	08/3/2026
		612.	Đông phương học	CEA-UD	07/2022	Đạt 86%	16/02/2023	16/02/2028
		613.	Tâm lý học	CEA-UD	07/2022	Đạt 90%	16/02/2023	16/02/2028
		614.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	07/2022	Đạt 88%	16/02/2023	16/02/2028
		615.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-UD	9/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		616.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	9/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
617.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	CEA-UD	9/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029		
46	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	618.	Công nghệ thực phẩm	CEA-UD	12/2020	Đạt 92%	24/4/2021	24/4/2026
		619.	Hệ thống thông tin	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		620.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		621.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		622.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-UD	5/2023	Đạt 92%	02/10/2023	02/10/2028
		623.	Quản lý công nghiệp	CEA-UD	5/2023	Đạt 94%	02/10/2023	02/10/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
47	Trường Đại học Phenikaa	624.	Dược học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		625.	Điều dưỡng	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		626.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		627.	Kế toán	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		628.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		629.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 82%	17/11/2023	17/11/2028
		630.	Công nghệ vật liệu	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	17/11/2023	17/11/2028
		631.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 90%	17/11/2023	17/11/2028
		632.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	17/11/2023	17/11/2028
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	633.	Công nghệ Thông tin	VU-CEA	01/2021	Đạt 82%	26/5/2021	26/5/2026
		634.	Tâm lý học	VU-CEA	01/2021	Đạt 84%	26/5/2021	26/5/2026
		635.	Công nghệ Sinh học	VU-CEA	01/2021	Đạt 86%	26/5/2021	26/5/2026
		636.	Giáo dục Chính trị	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		637.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	24/4/2022	24/4/2027
		638.	Sư phạm Lịch sử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	24/4/2022	24/4/2027
		639.	Công tác xã hội	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		640.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		641.	Sư phạm âm nhạc	VNU-CEA	11/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		642.	Sư phạm Địa lý	VNU-CEA	11/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		643.	Báo chí	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		644.	Giáo dục học tiểu học (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		645.	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		646.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		647.	Địa lý	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		648.	Hóa học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		649.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		650.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		651.	Việt Nam học	VNU-CEA	11/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
49	Trường Đại học Hoa Lư	652.	Giáo dục Mầm Non	VU-CEA	3/2021	Đạt 86%	28/5/2021	28/5/2026
		653.	Kế toán	VU-CEA	3/2021	Đạt 84%	28/5/2021	28/5/2026
		654.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	12/2022	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		655.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 84%	21/8/2023	21/8/2028
50	Trường Đại học Cần Thơ	656.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		657.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-AVU&C	11/2020	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		658.	Sư phạm Hóa học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		659.	Sư phạm Sinh học	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		660.	Sư phạm Vật lý	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		661.	Kỹ thuật Cơ khí	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		662.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 86%	26/5/2022	26/5/2027
		663.	Luật	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 92%	03/01/2023	03/01/2028
		664.	Văn học	VNU-HCM CEA	8/2022	Đạt 96%	03/01/2023	03/01/2028
		665.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2028
		666.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2028
		667.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2028
		668.	Triết học	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 96%	23/10/2023	22/10/2028
		669.	Kỹ thuật vật liệu	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 96%	23/10/2023	22/10/2028
		670.	Hóa dược	VNU-HCM CEA	6/2023	Đạt 98%	23/10/2023	22/10/2028
		671.	Kế toán	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		672.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		673.	Giáo dục thể chất	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
51	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	674.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		675.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		676.	Răng hàm mặt	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026
		677.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 90%	14/6/2021	14/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		678.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		679.	Y khoa	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 92%	14/6/2021	14/6/2026
		680.	Nội khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		681.	Ngoại khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		682.	Nhi khoa (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	02/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		683.	Dược lý-Dược lâm sàng (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		684.	Răng hàm mặt (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		685.	Y học dự phòng (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		686.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	687.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	14/6/2021	14/6/2026
		688.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	24/6/2021	24/6/2026
		689.	Kiểm toán	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		690.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	24/6/2021	24/6/2026
		691.	Công nghệ Thông tin	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		692.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	4/2021	Đạt 86%	25/12/2021	25/12/2026
		693.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		694.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		695.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	VNU-CEA	11/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		696.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		697.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		698.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		699.	Hệ thống thông tin	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	23/5/2022	23/5/2027
		700.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		701.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		702.	Quản trị nhân lực	VU-CEA	01/2022	Đạt 86%	06/8/2022	06/8/2027
		703.	Công nghệ dệt, may	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
		704.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		705.	Thiết kế thời trang	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		706.	Kỹ thuật phần mềm	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		707.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		708.	Quản trị khách sạn	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		709.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		710.	Kế toán	VNU-CEA	8/2023	Đạt 96%	16/11/2023	16/11/2028
		711.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VNU-CEA	8/2023	Đạt 90%	16/11/2023	16/11/2028
		712.	Marketing	VNU-CEA	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
54	Học viện	713.	Quan hệ Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngoại giao	714.	Kinh tế Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		715.	Luật Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
		716.	Truyền thông Quốc tế	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 88%	08/6/2021	08/6/2026
		717.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	08/6/2021	08/6/2026
55	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	718.	Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		719.	Kinh tế chuyên ngành Kinh tế học	VU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/8/2021	30/8/2026
		720.	Kinh tế chuyên ngành Quản lý công và chính sách bằng tiếng Anh	VU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/8/2021	30/8/2026
		721.	Quản trị Khách sạn	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027
		722.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	12/2021	Đạt 84%	06/5/2022	06/5/2027
		723.	Marketing	VU-CEA	12/2021	Đạt 90%	06/5/2022	06/5/2027
		724.	Kinh tế phát triển	CEA-THANGLONG	3/2022	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		725.	Kinh tế đầu tư	CEA-THANGLONG	3/2022	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		726.	Quản trị nhân lực	CEA-THANGLONG	3/2022	Đạt 90%	17/9/2022	17/9/2027
		727.	Kinh tế và Quản lý đô thị	CEA-THANGLONG	3/2022	Đạt 88%	17/9/2022	17/9/2027
		728.	Hệ thống thông tin quản lý học	CEA-THANGLONG	3/2022	Đạt 82%	17/9/2022	17/9/2027
		729.	Bảo hiểm	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 92%	06/7/2023	06/7/2028
		730.	Kinh tế nông nghiệp	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
		731.	Thống kê kinh tế	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		732.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
		733.	Luật	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 90%	06/7/2023	06/7/2028
56	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	734.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		735.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2021	Đạt 82%	10/9/2021	10/9/2026
		736.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	6/2021	Đạt 86%	10/9/2021	10/9/2026
		737.	Kỹ thuật môi trường	VNU-CEA	6/2021	Đạt 88%	10/9/2021	10/9/2026
		738.	Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		739.	Kinh tế vận tải	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		740.	Kỹ thuật tàu thủy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
		741.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	VNU-CEA	12/2022	Đạt 88%	16/3/2023	16/3/2028
57	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	742.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		743.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		744.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		745.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	VNU-CEA	3/2021	Đạt 90%	08/9/2021	08/9/2026
		746.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		747.	Công nghệ chế tạo máy	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		748.	Công nghệ may	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
		749.	Kế toán	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		750.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		751.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	12/2022	Đạt 90%	16/3/2023	16/3/2028
58	Trường Đại học Thăng Long	752.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		753.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 88%	14/12/2021	14/12/2026
		754.	Khoa học máy tính	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		755.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		756.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 90%	14/12/2021	14/12/2026
		757.	Kế toán	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		758.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 90%	15/02/2023	15/02/2028
		759.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	CEA-AVU&C	9/2022	Đạt 88%	15/02/2023	15/02/2028
		760.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 86%	06/7/2023	06/7/2028
		761.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 84%	06/7/2023	06/7/2028
		762.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 88%	27/5/2024	27/5/2029
		763.	Quản lý bệnh viện (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 96%	27/5/2024	27/5/2029
		764.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
59	Trường Đại học Tân Trào	765.	Giáo dục Mầm non	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 86%	18/12/2021	18/12/2026
		766.	Giáo dục Tiểu học	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 88%	18/12/2021	18/12/2026
		767.	Kế toán	CEA-AVU&C	7/2020	Đạt 90%	18/12/2021	18/12/2026
60	Trường Đại học	768.	Công tác xã hội	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 86%	14/12/2021	14/12/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Công đoàn	769.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		770.	Luật	CEA-AVU&C	3/2020	Đạt 84%	14/12/2021	14/12/2026
		771.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		772.	Quản trị nhân lực	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		773.	Xã hội học	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
		774.	Bảo hộ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		775.	Kế toán	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 84%	12/5/2022	12/5/2027
		776.	Quan hệ lao động	CEA-AVU&C	10/2021	Đạt 86%	12/5/2022	12/5/2027
		777.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		778.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		779.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		780.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		781.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	3/2023	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		782.	Quản trị nhân lực (trình độ tiến sĩ)	CEA-AVU&C	11/2023	Đạt 94%	07/3/2024	07/3/2029
61	Trường Đại học Sao Đỏ	783.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		784.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		785.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	01/2021	Đạt 86%	10/01/2022	10/01/2027
		786.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		787.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
		788.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	02/2022	Đạt 90%	10/5/2022	10/5/2027
62	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	789.	Quan hệ quốc tế	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		790.	Triết học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	16/01/2022	16/01/2027
		791.	Xã hội học	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		792.	Quan hệ công chúng	VU-CEA	10/2021	Đạt 88%	16/01/2022	16/01/2027
		793.	Kinh tế chính trị	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		794.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		795.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		796.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		797.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		798.	Quảng cáo	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
		799.	Xuất bản	VU-CEA	10/2022	Đạt 88%	27/02/2023	27/02/2028
63	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	800.	Quản lý Giáo dục	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
		801.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	10/2021	Đạt 82%	20/01/2022	20/01/2027
		802.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	10/2021	Đạt 80%	20/01/2022	20/01/2027
		803.	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		804.	Giáo dục công dân	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		805.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		806.	Việt Nam học	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		807.	Su phạm Toán	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		808.	Su phạm Ngữ văn	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		809.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		810.	Chính trị học	VU-CEA	12/2023	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		811.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		812.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		813.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
		814.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	VU-CEA	12/2023	Đạt 86%	09/5/2024	09/5/2029
64	Trường Đại học Y tế công cộng	815.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	VU-CEA	10/2021	Đạt 84%	17/01/2022	17/01/2027
		816.	Y tế công cộng	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 94%	10/10/2023	10/10/2028
		817.	Công tác xã hội	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 92%	10/10/2023	10/10/2028
		818.	Dinh dưỡng	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 94%	10/10/2023	10/10/2028
65	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	819.	Xã hội học	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		820.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		821.	Luật Kinh tế	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027
		822.	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-UD	4/2021	Đạt 90%	22/01/2022	22/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		823.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		824.	Công nghệ sinh học	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		825.	Công tác xã hội	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		826.	Đông Nam Á học	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		827.	Luật	CEA-UD	12/2022	Đạt 90%	15/6/2023	15/6/2028
		828.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 96%	31/7/2023	30/7/2028
		829.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 90%	31/7/2023	30/7/2028
		830.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 90%	31/7/2023	30/7/2028
		831.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 92%	31/7/2023	30/7/2028
		832.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	3/2023	Đạt 88%	31/7/2023	30/7/2028
66	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	833.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	VNU-CEA	01/2022	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		834.	Y khoa	VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	29/12/2023	29/12/2028
		835.	Điều dưỡng	VNU-CEA	9/2023	Đạt 88%	29/12/2023	29/12/2028
		836.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-CEA	9/2023	Đạt 82%	29/12/2023	29/12/2028
		837.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	VNU-CEA	9/2023	Đạt 84%	29/12/2023	29/12/2028
67	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	838.	Khoa học cây trồng	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		839.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		840.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		841.	Phát triển nông thôn	VNU-CEA	4/2021	Đạt 86%	30/3/2022	30/3/2027
		842.	Thú y	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
		843.	Công nghiệp thực phẩm	VNU-CEA	4/2021	Đạt 84%	30/3/2022	30/3/2027
68	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	844.	Luật	VNU-CEA	4/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		845.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	4/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
69	Trường Đại học Mở Hà Nội	846.	Công nghệ Sinh học	VNU-CEA	5/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		847.	Luật kinh tế	VNU-CEA	5/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		848.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2021	Đạt 82%	26/3/2022	26/3/2027
		849.	Kế toán	VNU-CEA	5/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		850.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		851.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		852.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	VNU-CEA	5/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		853.	Ngôn ngữ Trung quốc	VNU-CEA	5/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		854.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		855.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	5/2023	Đạt 82%	07/9/2023	07/9/2028
		856.	Công nghệ thực phẩm	VNU-CEA	5/2023	Đạt 88%	07/9/2023	07/9/2028
		857.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	VNU-CEA	5/2023	Đạt 86%	07/9/2023	07/9/2028
		858.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		859.	Luật	VNU-CEA	5/2023	Đạt 82%	07/9/2023	07/9/2028
		860.	Luật quốc tế	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
		861.	Kiến trúc	VNU-CEA	5/2023	Đạt 84%	07/9/2023	07/9/2028
70	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	862.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
		863.	Quản lý văn hóa	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
		864.	Lưu trữ học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	29/3/2022	29/3/2027
71	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	865.	Sư phạm Toán học	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		866.	Sư phạm Ngữ văn	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		867.	Sư phạm Tiếng Anh	VNU-CEA	11/2021	Đạt 84%	26/3/2022	26/3/2027
		868.	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	11/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
		869.	Giáo dục Tiểu học	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		870.	Giáo dục công dân	VNU-CEA	9/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		871.	Giáo dục thể chất	VNU-CEA	9/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		872.	Sư phạm Lịch sử	VNU-CEA	9/2022	Đạt 88%	19/12/2022	19/12/2027
		873.	Sư phạm Hóa học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		874.	Sư phạm Sinh học	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		875.	Sư phạm Vật lí	VNU-CEA	10/2022	Đạt 90%	09/01/2023	09/01/2028
		876.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 88%	28/12/2023	28/12/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		877.	Lý luận văn học (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		878.	Ngôn ngữ Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		879.	Văn học Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	VNU-CEA	10/2023	Đạt 86%	28/12/2023	28/12/2028
		880.	Sư phạm Tin học	VNU-CEA	02/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		881.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		882.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		883.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	02/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		884.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	02/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		885.	Việt Nam học	VNU-CEA	02/2024	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
72	Học viện Ngân hàng	886.	Ngân hàng	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		887.	Tài chính	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		888.	Kế toán	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		889.	Quản trị doanh nghiệp	VNU-CEA	11/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		890.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		891.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		892.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		893.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	3/2023	Đạt 88%	27/6/2023	27/6/2028
		894.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		895.	Hệ thống thông tin quản lý trong lĩnh vực tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
		896.	Kinh tế đầu tư	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 94%	27/5/2024	27/5/2029
		897.	Kinh doanh quốc tế	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 92%	27/5/2024	27/5/2029
		898.	Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
73	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	899.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		900.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		901.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		902.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 96%	30/3/2022	30/3/2027
		903.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	12/2021	Đạt 94%	30/3/2022	30/3/2027
		904.	Kỹ thuật Xây dựng	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		905.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	VNU-CEA	12/2021	Đạt 90%	30/3/2022	30/3/2027
		906.	Luật kinh tế	VNU-CEA	12/2021	Đạt 88%	30/3/2022	30/3/2027
		907.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2024	Đạt 96%	12/8/2024	12/8/2029
		908.	Kiểm toán	VNU-CEA	5/2024	Đạt 96%	12/8/2024	12/8/2029
		909.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
74	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	910.	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 100%	04/4/2022	04/4/2027
		911.	Răng Hàm Mặt	VNU-HCM CEA	5/2022	Đạt 98%	10/10/2022	09/10/2027
75	Trường Đại học	912.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	11/2021	Đạt 90%	04/4/2022	04/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Công nghệ Sài Gòn	913.	Kỹ thuật xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	07/4/2023	07/4/2028
		914.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 88%	20/11/2023	20/11/2028
		915.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	VNU-HCM CEA	8/2023	Đạt 88%	20/11/2023	20/11/2028
		916.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	10/2023	Đạt 90%	11/01/2024	11/01/2029
76	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	917.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		918.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		919.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		920.	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	01/2022	Đạt 88%	28/4/2022	28/4/2027
		921.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		922.	Hệ thống thông tin	VU-CEA	12/2022	Đạt 88%	21/8/2023	21/8/2028
		923.	Quản lý đất đai	VU-CEA	12/2022	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		924.	Thủy văn học	VU-CEA	12/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		925.	Kỹ thuật cấp thoát nước	VU-CEA	12/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		926.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	VU-CEA	12/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
77	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	927.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		928.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	VNU-HCM CEA	12/2021	Đạt 92%	19/5/2022	19/5/2027
		929.	Kinh tế vận tải	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		930.	Kinh tế xây dựng	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		931.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-HCM CEA	11/2022	Đạt 94%	31/3/2023	31/3/2028
		932.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-SAIGON	3/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029
		933.	Kỹ thuật điện	CEA-SAIGON	3/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029
		934.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CEA-SAIGON	3/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029
		935.	Kỹ thuật cơ khí	CEA-SAIGON	3/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
		936.	Kỹ thuật ô tô	CEA-SAIGON	3/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
78	Học viện Hàng không Việt Nam	937.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		938.	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
		939.	Quản lý hoạt động bay	CEA-AVU&C	01/2022	Đạt 88%	26/5/2022	26/5/2027
79	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	940.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
		941.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 80%	20/5/2022	20/5/2027
		942.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 88%	26/6/2023	26/6/2028
		943.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 92%	26/6/2023	26/6/2028
		944.	Y học cổ truyền	CEA-AVU&C	02/2023	Đạt 86%	26/6/2023	26/6/2028
80	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	945.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		946.	Thú y	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		947.	Quản lý đất đai	CEA-AVU&C	12/2021	Đạt 90%	23/5/2022	23/5/2027
		948.	Công nghệ thực phẩm	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		949.	Khoa học cây trồng	CEA-AVU&C	10/2022	Đạt 92%	06/02/2023	06/02/2028
81	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	950.	Dược học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 88%	20/6/2022	20/6/2027
		951.	Điều dưỡng	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		952.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		953.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	12/2021	Đạt 86%	20/6/2022	20/6/2027
		954.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 90%	21/11/2022	21/11/2027
		955.	Truyền thông đa phương tiện	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		956.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	6/2022	Đạt 86%	21/11/2022	21/11/2027
		957.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028
		958.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 90%	13/7/2023	13/7/2028
		959.	Luật kinh tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028
		960.	Quan hệ Quốc tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 88%	13/7/2023	13/7/2028
		961.	Răng hàm mặt	CEA-THANGLONG	3/2024	Đạt 90%	29/7/2024	29/7/2029
		962.	Luật	CEA-THANGLONG	3/2024	Đạt 96%	29/7/2024	29/7/2029
		963.	Kiến trúc	CEA-THANGLONG	3/2024	Đạt 94%	29/7/2024	29/7/2029
82	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	964.	Kế toán	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		965.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
		966.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		967.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	5/2022	Đạt 82%	28/7/2022	28/7/2027
83	Trường Đại học Cửu Long	968.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 86%	15/7/2022	15/7/2027
		969.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 88%	15/7/2022	15/7/2027
		970.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	4/2022	Đạt 84%	15/7/2022	15/7/2027
		971.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		972.	Điều dưỡng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 82%	27/12/2022	27/12/2027
		973.	Tài chính ngân hàng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		974.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		975.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		976.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		977.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		978.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 94%	22/6/2023	22/6/2028
		979.	Kế toán	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	22/6/2023	22/6/2028
		980.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2023	Đạt 90%	22/6/2023	22/6/2028
84	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	981.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		982.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 92%	07/8/2022	07/8/2027
		983.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	02/2022	Đạt 86%	07/8/2022	07/8/2027
		984.	Kế toán	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	17/8/2023	16/8/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		985.	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 86%	17/8/2023	16/8/2028
		986.	Luật Kinh tế	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 90%	17/8/2023	16/8/2028
		987.	Đông phương học	VNU-HCM CEA	01/2024	Đạt 98%	09/5/2024	08/5/2029
85	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	988.	Luật	VNU-HCM CEA	4/2022	Đạt 94%	07/8/2022	07/8/2027
		989.	Luật Thương mại quốc tế	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		990.	Quản trị - Luật	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		991.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		992.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		993.	Luật (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		994.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		995.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
86	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	996.	Ngôn ngữ Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 94%	16/8/2022	16/8/2027
		997.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-UD	12/2021	Đạt 96%	16/8/2022	16/8/2027
87	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	998.	Thiết kế đồ họa	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		999.	Thiết kế công nghiệp	CEA-UD	01/2022	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		1000.	Thiết kế nội thất	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		1001.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027
		1002.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	CEA-UD	01/2022	Đạt 92%	16/8/2022	16/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1003.	Thiết kế thời trang	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	12/10/2023	12/10/2028
88	Trường Đại học Tây Nguyên	1004.	Công nghệ sinh học	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
		1005.	Giáo dục tiểu học	CEA-UD	12/2021	Đạt 90%	16/8/2022	16/8/2027
		1006.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	12/2021	Đạt 84%	16/8/2022	16/8/2027
		1007.	Sư phạm tiếng Anh	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1008.	Y khoa	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		1009.	Giáo dục Thể chất	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1010.	Sư phạm Ngữ văn	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1011.	Sư phạm Vật lý	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1012.	Sư phạm Toán học	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1013.	Sư phạm Hoá học	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1014.	Lâm sinh	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		1015.	Thú y	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		1016.	Giáo dục Chính trị	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 86%	23/11/2023	23/11/2028
		1017.	Điều Dưỡng	CEA-THANGLONG	8/2023	Đạt 88%	23/11/2023	23/11/2028
		89	Trường Đại học Lao động - Xã hội	1018.	Bảo hiểm	VNU-CEA	6/2022	Đạt 82%
1019.	Quản trị nhân lực			VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027
1020.	Kế toán			VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
1021.	Công tác xã hội			VNU-CEA	6/2022	Đạt 86%	25/8/2022	25/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1022.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	6/2022	Đạt 84%	25/8/2022	25/8/2027
		1023.	Tâm lý học	VNU-CEA	12/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		1024.	Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		1025.	Luật Kinh tế	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
90	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	1026.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
		1027.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	24/8/2022	24/8/2027
91	Trường Đại học Điện lực	1028.	Điện tử viễn thông	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		1029.	Quản lý công nghiệp	VNU-CEA	5/2022	Đạt 86%	26/8/2022	26/8/2027
		1030.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		1031.	Kế toán	VNU-CEA	5/2022	Đạt 80%	26/8/2022	26/8/2027
		1032.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	26/8/2022	26/8/2027
		1033.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	26/8/2022	26/8/2027
		1034.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		1035.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		1036.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		1037.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		1038.	Quản lý năng lượng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 88%	08/4/2024	08/4/2029
		1039.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
92	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	1040.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	VNU-CEA	5/2022	Đạt 82%	24/8/2022	24/8/2027
		1041.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
		1042.	Hóa học	VNU-CEA	5/2022	Đạt 84%	24/8/2022	24/8/2027
		1043.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	20/6/2023	20/6/2028
		1044.	Kế toán	VNU-CEA	3/2023	Đạt 82%	20/6/2023	20/6/2028
		1045.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	VNU-CEA	3/2023	Đạt 84%	20/6/2023	20/6/2028
93	Trường Đại học Hạ Long	1046.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		1047.	Khoa học máy tính	VU-CEA	3/2022	Đạt 86%	03/8/2022	03/8/2027
		1048.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	3/2022	Đạt 82%	03/8/2022	03/8/2027
		1049.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1050.	Quản lý tài nguyên và môi trường	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1051.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	02/2023	Đạt 94%	21/8/2023	21/8/2028
		1052.	Quản lý văn hóa	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1053.	Ngôn ngữ Nhật	VU-CEA	02/2023	Đạt 86%	21/8/2023	21/8/2028
		1054.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		1055.	Nuôi trồng thủy sản	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
94	Trường Đại học Đông Á	1056.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	02/2022	Đạt 90%	06/8/2022	06/8/2027
		1057.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1058.	Kế toán	VU-CEA	02/2022	Đạt 88%	06/8/2022	06/8/2027
95	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1059.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	7/2022	Đạt 88%	28/10/2022	28/10/2027
		1060.	Kế toán	VU-CEA	7/2022	Đạt 86%	28/10/2022	28/10/2027
		1061.	Tài chính - Ngân hàng	VU-CEA	3/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1062.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	3/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1063.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
		1064.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 92%	22/02/2024	21/02/2029
96	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	1065.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	18/10/2022	18/10/2027
		1066.	Dược học	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	18/10/2022	18/10/2027
		1067.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1068.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 90%	06/02/2023	06/02/2028
		1069.	Y khoa	CEA-AVU&C	11/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
97	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	1070.	Sư phạm Âm nhạc	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 86%	20/10/2022	20/10/2027
		1071.	Sư phạm Mỹ thuật	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027
		1072.	Thiết kế đồ họa	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 84%	20/10/2022	20/10/2027
		1073.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	CEA-AVU&C	4/2022	Đạt 88%	20/10/2022	20/10/2027
98	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	1074.	Luật	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	19/10/2022	19/10/2027
99	Trường Đại học	1075.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	YERSIN Đà Lạt	1076.	Điều dưỡng	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 90%	11/10/2022	11/10/2027
		1077.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	7/2022	Đạt 88%	11/10/2022	11/10/2027
		1078.	Công nghệ sinh học	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1079.	Quan hệ công chúng	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1080.	Đông phương học	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1081.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	25/9/2023	25/9/2028
		1082.	Ngôn ngữ Anh	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	25/9/2023	25/9/2028
		1083.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
		1084.	Dược học	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	25/9/2023	25/9/2028
100	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1085.	Y khoa	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		1086.	Dược sĩ	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 94%	31/10/2022	31/10/2027
		1087.	Nội khoa (Thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	7/2022	Đạt 96%	31/10/2022	31/10/2027
		1088.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
		1089.	Y học cổ truyền	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
		1090.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029
		1091.	Nhi khoa	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029
		1092.	Răng hàm mặt	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
		1093.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 98%	29/3/2024	28/3/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1094.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 96%	29/3/2024	28/3/2029
101	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1095.	Đô thị học	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		1096.	Ngôn ngữ Nga	VU-CEA	5/2022	Đạt 92%	04/11/2022	04/11/2027
		1097.	Lưu trữ học	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028
		1098.	Hàn Quốc	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		1099.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1100.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2022	Đạt 96%	24/3/2023	24/3/2028
		1101.	Ngôn ngữ học	VU-CEA	4/2023	Đạt 90%	06/11/2023	06/11/2028
		1102.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	4/2023	Đạt 90%	06/11/2023	06/11/2028
		1103.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	VU-CEA	4/2023	Đạt 92%	06/11/2023	06/11/2028
		1104.	Báo chí	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		1105.	Quan hệ quốc tế	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
102	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1106.	Triết học	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		1107.	Công tác xã hội	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 82%	25/11/2022	25/11/2027
		1108.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 84%	25/11/2022	25/11/2027
		1109.	Công nghệ sinh học	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
		1110.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
1111.	Thú Y	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1112.	Kỹ thuật điện (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 84%	24/3/2023	24/3/2028
		1113.	Du lịch	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		1114.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1115.	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
103	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1116.	Y khoa	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 92%	25/11/2022	25/11/2027
		1117.	Dược học	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 90%	25/11/2022	25/11/2027
104	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	1118.	Công tác xã hội	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
		1119.	Khoa học quản lý	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		1120.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	8/2022	Đạt 86%	19/12/2022	19/12/2027
		1121.	Luật	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	19/12/2022	19/12/2027
105	Trường Đại học Thành Đô	1122.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027
		1123.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	15/12/2022	15/12/2027
		1124.	Dược học	VNU-CEA	8/2022	Đạt 80%	15/12/2022	15/12/2027
		1125.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	VNU-CEA	8/2022	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028
		1126.	Việt Nam học	VNU-CEA	8/2023	Đạt 82%	16/11/2023	16/11/2028
		1127.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	8/2023	Đạt 82%	16/11/2023	16/11/2028
106	Trường Đại học Kiên Giang	1128.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1129.	Công nghệ thực phẩm	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1130.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 84%	27/12/2022	27/12/2027
		1131.	Kế toán	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1132.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2022	Đạt 86%	27/12/2022	27/12/2027
		1133.	Sư phạm Toán học	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1134.	Luật	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 88%	16/11/2023	16/11/2028
		1135.	Nuôi trồng thủy sản	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1136.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
		1137.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	CEA-SAIGON	8/2023	Đạt 94%	16/11/2023	16/11/2028
107	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1138.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1139.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 88%	06/02/2023	06/02/2028
		1140.	Kế toán	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028
		1141.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028
		1142.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 90%	28/9/2023	28/9/2028
		1143.	Marketing	CEA-AVU&C	5/2023	Đạt 88%	28/9/2023	28/9/2028
		1144.	An toàn thông tin	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1145.	Công nghệ đa phương tiện	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1146.	Truyền thông đa phương tiện	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029
		1147.	Thương mại điện tử	CEA-AVU&C	3/2024	Đạt 90%	27/5/2024	27/5/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
108	Học viện Tài chính	1148.	Kế toán	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 90%	14/02/2023	14/02/2028
109	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1149.	Sư phạm Mỹ thuật	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1150.	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1151.	Sư phạm Âm nhạc	VU-CEA	9/2022	Đạt 82%	27/02/2023	27/02/2028
		1152.	Quản lý nhà nước	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
		1153.	Quản trị khách sạn	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1154.	Luật	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1155.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	8/2023	Đạt 82%	04/3/2024	04/3/2029
		1156.	Thanh nhạc	VU-CEA	8/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		1157.	Du lịch	VU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		1158.	Quản trị dịch vụ, Du lịch và Lễ hành	VU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		1159.	Quản lý Thể dục thể thao	VU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
		1160.	Thông tin – Thư viện	VU-CEA	5/2024	Đạt 88%	12/8/2024	12/8/2029
110	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1161.	Dược học	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
		1162.	Luật kinh tế	VU-CEA	9/2022	Đạt 80%	27/02/2023	27/02/2028
111	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1163.	Kiến trúc	CEA-UD	10/2022	Đạt 86%	03/02/2023	03/02/2028
		1164.	Kỹ thuật xây dựng	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028
		1165.	Quản trị kinh doanh	CEA-UD	10/2022	Đạt 84%	03/02/2023	03/02/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1166.	Thiết kế Nội thất	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		1167.	Kế toán	CEA-UD	7/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
		1168.	Tài chính ngân hàng	CEA-UD	7/2023	Đạt 92%	08/4/2024	08/4/2029
		1169.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-UD	7/2023	Đạt 90%	08/4/2024	08/4/2029
112	Trường Đại học Bình Dương	1170.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028
		1171.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 90%	24/3/2023	24/3/2028
		1172.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	12/2022	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
113	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1173.	Việt Nam học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1174.	Sư phạm Sinh học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
		1175.	Sư phạm Lịch sử	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 92%	24/3/2023	24/3/2028
		1176.	Sư phạm Địa lý	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 94%	24/3/2023	24/3/2028
114	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1177.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1178.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1179.	Kế toán	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1180.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 88%	24/3/2023	24/3/2028
		1181.	Đông Phương học	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1182.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	01/2023	Đạt 86%	24/3/2023	24/3/2028
		1183.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1184.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 82%	25/7/2024	25/7/2029
		1185.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029
		1186.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 88%	25/7/2024	25/7/2029
		1187.	Quản trị khách sạn	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 84%	25/7/2024	25/7/2029
		1188.	Luật	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
		1189.	Đông phương học (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 82%	25/7/2024	25/7/2029
		1190.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 84%	25/7/2024	25/7/2029
		1191.	Công nghệ thông tin (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 82%	25/7/2024	25/7/2029
		1192.	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	01/2024	Đạt 82%	25/7/2024	25/7/2029
115	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1193.	Ngôn ngữ Hàn quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		1194.	Ngôn ngữ Nhật bản	VNU-CEA	12/2022	Đạt 96%	16/3/2023	16/3/2028
		1195.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	12/2022	Đạt 92%	16/3/2023	16/3/2028
		1196.	Ngôn ngữ Pháp	VNU-CEA	12/2022	Đạt 94%	16/3/2023	16/3/2028
		1197.	Ngôn ngữ Nga	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1198.	Sư phạm tiếng Pháp	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1199.	Sư phạm tiếng Trung Quốc	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1200.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1201.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1202.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1203.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1204.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1205.	Quốc tế học (chất lượng cao)	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
116	Trường Đại học Đại Nam	1206.	Dược học	VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		1207.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		1208.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	11/2022	Đạt 82%	16/3/2023	16/3/2028
		1209.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	VNU-CEA	11/2022	Đạt 80%	16/3/2023	16/3/2028
		1210.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		1211.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		1212.	Quan hệ công chúng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
		1213.	Tài chính – Ngân hàng	VNU-CEA	01/2024	Đạt 84%	08/4/2024	08/4/2029
117	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1214.	Kỹ thuật cơ khí	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1215.	Kỹ thuật Điện	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1216.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	VNU-CEA	12/2022	Đạt 86%	16/3/2023	16/3/2028
		1217.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	12/2022	Đạt 84%	16/3/2023	16/3/2028
118	Trường Đại học	1218.	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 88%	28/5/2022	28/5/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Tiền Giang	1219.	Công nghệ thực phẩm	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	28/5/2022	28/5/2027
		1220.	Kế toán	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 90%	10/4/2023	10/4/2028
		1221.	Quản trị Kinh doanh	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 92%	10/4/2023	10/4/2028
		1222.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		1223.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 94%	10/4/2023	10/4/2028
		1224.	Giáo dục Mầm non	VNU-HCM CEA	12/2022	Đạt 95,34%	10/4/2023	10/4/2028
119	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1225.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1226.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1227.	Kỹ thuật phần mềm	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 94%	14/4/2023	14/4/2028
		1228.	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028
		1229.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	01/2023	Đạt 92%	14/4/2023	14/4/2028
		1230.	Kỹ thuật điện	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	08/3/2024	08/3/2029
		1231.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	VNU-HCM CEA	11/2023	Đạt 100%	08/3/2024	08/3/2029
120	Trường Đại học Đà Lạt	1232.	Luật	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		1233.	Công tác xã hội	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 90%	07/10/2022	06/10/2027
		1234.	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027
		1235.	Đông phương học	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 86%	07/10/2022	06/10/2027
		1236.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-HCM CEA	6/2022	Đạt 88%	07/10/2022	06/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
121	Trường Đại học Gia Định	1237.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 80%	16/02/2023	16/02/2028
		1238.	Tài chính – Ngân hàng	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		1239.	Ngôn ngữ Anh	CEA-THANGLONG	10/2022	Đạt 82%	16/02/2023	16/02/2028
		1240.	Kế toán	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 84%	10/10/2023	10/10/2028
		1241.	Luật	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 84%	10/10/2023	10/10/2028
		1242.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 86%	10/10/2023	10/10/2028
		1243.	Kỹ thuật phần mềm	CEA-THANGLONG	6/2023	Đạt 86%	10/10/2023	10/10/2028
122	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội	1244.	Hóa học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 98%	28/4/2023	28/4/2028
		1245.	Sinh học	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
		1246.	Khoa học Môi trường	CEA-THANGLONG	12/2022	Đạt 94%	28/4/2023	28/4/2028
123	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	1247.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028
		1248.	Báo chí	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 84%	28/4/2023	28/4/2028
		1249.	Kiến trúc	CEA-THANGLONG	01/2023	Đạt 86%	28/4/2023	28/4/2028
124	Trường Đại học Hải Phòng	1250.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
		1251.	Kế toán doanh nghiệp	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 82%	14/02/2023	14/02/2028
		1252.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CEA-AVU&C	8/2022	Đạt 84%	14/02/2023	14/02/2028
125	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia	1253.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 90%	26/5/2023	26/5/2028
		1254.	Hệ thống thông tin	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Hà Nội	1255.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		1256.	Kỹ thuật Máy tính	CEA-THANGLONG	02/2023	Đạt 92%	26/5/2023	26/5/2028
		1257.	Công nghệ Thông tin	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1258.	Cơ kỹ thuật	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1259.	Kỹ thuật Robot	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 92%	25/01/2024	25/01/2029
		1260.	Vật lý kỹ thuật	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1261.	Kỹ thuật Năng lượng	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1262.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
		1263.	Công nghệ Hàng không vũ trụ	CEA-THANGLONG	10/2023	Đạt 94%	25/01/2024	25/01/2029
126	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	1264.	Kế toán	CEA-UD	6/2022	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1265.	Kinh tế đầu tư	CEA-UD	6/2022	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1266.	Tài chính doanh nghiệp	CEA-UD	6/2022	Đạt 94%	06/6/2023	06/6/2028
127	Trường Đại học Luật Hà Nội	1267.	Luật	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1268.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 90%	06/6/2023	06/6/2028
		1269.	Luật Kinh tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
		1270.	Luật Thương mại quốc tế	CEA-THANGLONG	3/2023	Đạt 92%	06/6/2023	06/6/2028
128	Trường Du lịch - Đại học Huế	1271.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	VNU-CEA	3/2023	Đạt 86%	21/6/2023	21/6/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
129	Trường Đại học Thái Bình	1272.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1273.	Kế toán	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1274.	Kinh tế	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
		1275.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 86%	28/6/2023	28/6/2028
130	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1276.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1277.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1278.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	4/2023	Đạt 84%	23/6/2023	23/6/2028
		1279.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 84%	22/02/2024	21/02/2029
		1280.	Ngôn ngữ Nhật	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 82%	22/02/2024	21/02/2029
		1281.	Ngôn ngữ Trung Quốc	CEA-SAIGON	10/2023	Đạt 86%	22/02/2024	21/02/2029
		1282.	Quản lý bệnh viện	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029
		1283.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029
		1284.	Kế toán	CEA-AVU&C	12/2023	Đạt 92%	07/3/2024	07/3/2029
131	Trường Đại học Quảng Bình	1285.	Giáo dục Tiểu học	VU-CEA	12/2022	Đạt 84%	21/8/2023	21/8/2028
		1286.	Công nghệ thông tin	VU-CEA	12/2022	Đạt 86%	21/8/2023	21/8/2028
		1287.	Ngôn ngữ Anh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
		1288.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	12/2022	Đạt 82%	21/8/2023	21/8/2028
132	Trường Đại học	1289.	Ngôn ngữ Nhật	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1290.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1291.	Ngôn ngữ Pháp	VU-CEA	02/2023	Đạt 90%	21/8/2023	21/8/2028
		1292.	Ngôn ngữ Trung Quốc	VU-CEA	02/2023	Đạt 92%	21/8/2023	21/8/2028
		1293.	Sư phạm tiếng Trung	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1294.	Sư phạm tiếng Anh	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1295.	Sư phạm tiếng Hàn	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1296.	Sư phạm tiếng Nhật	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
		1297.	Sư phạm tiếng Đức	VU-CEA	11/2023	Đạt 92%	04/3/2024	04/3/2029
133	Trường Đại học Trà Vinh	1298.	Răng Hàm Mặt	VNU-HCM CEA	4/2023	Đạt 88%	17/8//2023	16/8//2028
134	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1299.	Quản lý công nghiệp	CEA-AVU&C	6/2023	Đạt 92%	25/9/2023	25/9/2028
		1300.	Công nghệ may	CEA-AVU&C	6/2023	Đạt 92%	25/9/2023	25/9/2028
135	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1301.	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1302.	Ngôn ngữ Anh	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1303.	Luật kinh tế	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1304.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1305.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 94%	28/9/2023	28/9/2028
		1306.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	CEA-SAIGON	7/2023	Đạt 92%	28/9/2023	28/9/2028
		1307.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1308.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 94%	22/02/2024	21/02/2029
136	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1309.	Kế toán	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1310.	Thương mại điện tử	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		1311.	Toán kinh tế	VNU-CEA	7/2023	Đạt 92%	07/9/2023	07/9/2028
		1312.	Tài chính - Ngân hàng	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1313.	Kinh doanh quốc tế	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
		1314.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	7/2023	Đạt 94%	07/9/2023	07/9/2028
		1315.	Marketing	VNU-CEA	7/2023	Đạt 90%	07/9/2023	07/9/2028
137	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1316.	Kế toán	VU-CEA	4/2023	Đạt 84%	30/10/2023	30/10/2028
		1317.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
		1318.	Thú y	VU-CEA	4/2023	Đạt 88%	30/10/2023	30/10/2028
		1319.	Kinh tế	CEA-SAIGON	5/2024	Đạt 92%	25/7/2024	25/7/2029
		1320.	Tài chính ngân hàng	CEA-SAIGON	5/2024	Đạt 90%	25/7/2024	25/7/2029
138	Trường Đại học Thái Bình Dương	1321.	Du lịch	VU-CEA	4/2023	Đạt 82%	30/10/2023	30/10/2028
		1322.	Luật	VU-CEA	4/2023	Đạt 82%	30/10/2023	30/10/2028
		1323.	Quản trị kinh doanh	VU-CEA	4/2023	Đạt 84%	30/10/2023	30/10/2028
139	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1324.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	VU-CEA	4/2023	Đạt 88%	30/10/2023	30/10/2028
		1325.	Khoa học y sinh	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1326.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	VU-CEA	4/2023	Đạt 86%	30/10/2023	30/10/2028
140	Trường Đại học Khánh Hòa	1327.	Sư phạm Toán học	CEA-UD	3/2023	Đạt 84%	02/10/2023	02/10/2028
		1328.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	CEA-UD	3/2023	Đạt 86%	02/10/2023	02/10/2028
141	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	1329.	Luật kinh tế	VNU-CEA	9/2023	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028
		1330.	Quản lý nhà nước	VNU-CEA	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
142	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1331.	Quản trị kinh doanh	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1332.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
		1333.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	VNU-CEA	8/2023	Đạt 92%	16/11/2023	16/11/2028
143	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1334.	Luật	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
		1335.	Quản trị kinh doanh	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
		1336.	Công tác xã hội	CEA-THANGLONG	7/2023	Đạt 90%	20/11/2023	20/11/2028
144	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1337.	Quản lý văn hóa	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		1338.	Thông tin - Thư viện	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 86%	16/11/2023	16/11/2028
		1339.	Văn hóa học	CEA-SAIGON	9/2023	Đạt 84%	16/11/2023	16/11/2028
145	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1340.	Kiến trúc	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1341.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1342.	Quy hoạch vùng và đô thị	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029
		1343.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	CEA-AVU&C	8/2023	Đạt 88%	04/01/2024	04/01/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1344.	Thiết kế thời trang	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1345.	Công nghệ thông tin	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1346.	Thiết kế đồ họa	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		1347.	Kinh tế xây dựng	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
		1348.	Điêu khắc	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 88%	04/3/2024	04/3/2029
		1349.	Thiết kế nội thất	CEA-THANGLONG	11/2023	Đạt 90%	04/3/2024	04/3/2029
146	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1350.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 92%	02/01/2024	02/01/2029
		1351.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		1352.	Quản trị kinh doanh	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		1353.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	7/2023	Đạt 90%	02/01/2024	02/01/2029
		1354.	Kế toán	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 90%	29/7/2024	29/7/2029
		1355.	Kinh tế xây dựng	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 88%	29/7/2024	29/7/2029
		1356.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 86%	29/7/2024	29/7/2029
		1357.	Thương mại điện tử	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 88%	29/7/2024	29/7/2029
		1358.	Khai thác vận tải	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 90%	29/7/2024	29/7/2029
		1359.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 90%	29/7/2024	29/7/2029
		1360.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 94%	29/7/2024	29/7/2029
		1361.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 94%	29/7/2024	29/7/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1362.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 92%	29/7/2024	29/7/2029
		1363.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 92%	29/7/2024	29/7/2029
		1364.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	CEA-THANGLONG	4/2024	Đạt 92%	29/7/2024	29/7/2029
147	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1365.	Dược sĩ	VU-CEA	9/2023	Đạt 92%	26/02/2024	26/02/2029
148	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1366.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng)	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029
		1367.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính)	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029
		1368.	Kinh tế	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 86%	07/3/2024	07/3/2029
		1369.	Dược học	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
		1370.	Công nghệ thông tin	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
		1371.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 88%	07/3/2024	07/3/2029
		1372.	Kế toán	CEA-AVU&C	01/2024	Đạt 84%	07/3/2024	07/3/2029
149	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1373.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		1374.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	VNU-CEA	12/2023	Đạt 86%	08/4/2024	08/4/2029
		1375.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1376.	Công nghệ Chế tạo máy	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1377.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1378.	Kỹ thuật Công nghiệp	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
150	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1379.	Kỹ nghệ Gỗ và Nội thất	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1380.	Robot và Trí tuệ nhân tạo	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1381.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1382.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1383.	Công nghệ Vật liệu	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1384.	Kiến trúc	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1385.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1386.	Quản lý xây dựng	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1387.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1388.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1389.	Công nghệ Thực phẩm	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1390.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
		1391.	Năng lượng tái tạo	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 100%	19/7/2024	19/7/2029
151	Trường Đại học Tân Tạo	1392.	Y khoa	CEA-SAIGON	5/2024	Đạt 84%	25/7/2024	25/7/2029
152	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	1393.	Tài chính - Ngân hàng	CEA-SAIGON	4/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
		1394.	Quản trị kinh doanh	CEA-SAIGON	4/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
		1395.	Kế toán	CEA-SAIGON	4/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029
		1396.	Công nghệ thông tin	CEA-SAIGON	4/2024	Đạt 86%	25/7/2024	25/7/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1397.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	CEA-SAIGON	4/2024	Đạt 84%	25/7/2024	25/7/2029
153	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1398.	Nuôi trồng thủy sản	VNU-CEA	4/2024	Đạt 90%	16/8/2024	16/8/2029
		1399.	Công nghệ thông tin	VNU-CEA	4/2024	Đạt 86%	16/8/2024	16/8/2029
		1400.	Xã hội học	VNU-CEA	4/2024	Đạt 90%	16/8/2024	16/8/2029
		1401.	Kinh tế đầu tư	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	16/8/2024	16/8/2029
		1402.	Ngôn ngữ Anh	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	16/8/2024	16/8/2029
		1403.	Quản lý đất đai	VNU-CEA	4/2024	Đạt 90%	16/8/2024	16/8/2029
		1404.	Nông nghiệp công nghệ cao	VNU-CEA	4/2024	Đạt 92%	16/8/2024	16/8/2029
		1405.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	VNU-CEA	4/2024	Đạt 90%	16/8/2024	16/8/2029
		1406.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	VNU-CEA	4/2024	Đạt 88%	16/8/2024	16/8/2029
		1407.	Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	VNU-CEA	4/2024	Đạt 92%	16/8/2024	16/8/2029
154	Trường Đại học Thành Đông	1408.	Quản lý đất đai	VU-CEA	3/2024	Đạt 86%	19/8/2024	19/8/2029
		1409.	Luật kinh tế	VU-CEA	3/2024	Đạt 82%	19/8/2024	19/8/2029
155	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1410.	Y khoa	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 92%	02/8/2024	02/8/2029
		1411.	Dược học	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 92%	02/8/2024	02/8/2029
		1412.	Y tế công cộng	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	02/8/2024	02/8/2029
		1413.	Dinh dưỡng	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 94%	02/8/2024	02/8/2029
		1414.	Răng hàm mặt	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 86%	02/8/2024	02/8/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm ĐGN	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		1415.	Điều dưỡng	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 96%	02/8/2024	02/8/2029
		1416.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 92%	02/8/2024	02/8/2029
		1417.	Kỹ thuật hình ảnh y học	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 92%	02/8/2024	02/8/2029
		1418.	Khúc xạ nhãn khoa	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 92%	02/8/2024	02/8/2029
		1419.	Y Việt-Đức	VNU-HCM CEA	4/2024	Đạt 88%	02/8/2024	02/8/2029

2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên trường cao đẳng	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	1	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	12/2021	Đạt 86%	26/3/2022	26/3/2027
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2	Giáo dục Mầm non	VU-CEA	12/2021	Đạt 83,72%	05/5/2022	05/5/2027
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	3	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	3/2022	Đạt 81,4%	25/8/2022	25/8/2027
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	4	Giáo dục Mầm non	CEA-SAIGON	9/2022	Đạt 83,7%	25/11/2022	25/11/2027
5	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	5	Giáo dục Mầm non	VNU-CEA	9/2023	Đạt 81,4%	16/11/2023	16/11/2028
6	Trường Cao đẳng Bến Tre	6	Giáo dục Mầm non	CEA-SAIGON	11/2023	Đạt 81,4%	22/02/2024	21/02/2029

II. THEO TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Công nghệ - ĐH Quốc gia Hà Nội	1.	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2009	Đạt	09/01/2010	08/01/2015
		2.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	10/5/2013	09/5/2018
		3.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
2.	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội	4.	Kinh tế đối ngoại (nay là Kinh tế quốc tế)	AUN-QA	2010	Đạt	08/01/2011	07/01/2016
		5.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2014	Đạt	29/01/2015	28/01/2020
3.	Trường Đại học Khoa học tự nhiên- ĐH Quốc gia Hà Nội	6.	Hóa học	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2017
		7.	Toán học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018
		8.	Sinh học	AUN-QA	2013	Đạt	25/6/2013	24/6/2018
		9.	Vật lí	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		10.	Địa chất học	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		11.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2015	Đạt	18/10/2015	17/10/2020
		12.	Địa lý Tự nhiên	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		13.	Khí tượng	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		14.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		15.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		16.	Máy tính và Khoa học Thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	05/9/2020	04/9/2025
4.	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội	17.	Su phạm Tiếng Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2012	Đạt	05/6/2012	04/6/2016
		18.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2013	Đạt	19/01/2014	18/01/2019
		19.	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	9/2016	Đạt	05/11/2016	04/11/2021
		20.	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	AUN-QA	2018	Đạt	20/01/2019	19/01/2024
		21.	Ngôn ngữ Đức	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
5.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia Hà Nội	22.	Ngôn ngữ học	AUN-QA	2013	Đạt	19/02/2014	18/02/2019
		23.	Đông phương học	AUN-QA	2015	Đạt	19/6/2016	18/6/2021
		24.	Triết học	AUN-QA	2016	Đạt	14/3/2017	13/3/2022
		25.	Văn học	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		26.	Xã hội học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		27.	Tâm lý học	AUN-QA	2018	Đạt	08/12/2018	07/12/2023
		28.	Lịch sử	AUN-QA	2019	Đạt	09/6/2020	08/6/2025
6.	Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội	29.	Luật học	AUN-QA	2016	Đạt	07/11/2015	06/11/2020
		30.	Pháp luật về quyền con người (trình độ thạc sĩ)	AUN-QA	2017	Đạt	23/12/2017	22/12/2022
		31.	Luật Kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	02/3/2020	01/3/2025
7.	Trường Đại học KH XH&NV - ĐH Quốc gia	32.	Việt Nam học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
		33.	Ngữ văn Anh	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
	TP. Hồ Chí Minh	34.	Quan hệ Quốc tế	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		35.	Báo chí	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
		36.	Văn học	AUN-QA	2016	Đạt	14/12/2016	13/12/2021
		37.	Công tác xã hội	AUN-QA	2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
		38.	Việt Nam học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		39.	Giáo dục học	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		40.	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		41.	Lịch sử	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		42.	Trung Quốc	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		43.	Nhật Bản	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
		44.	Quản trị du lịch và lữ hành	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		45.	Xã hội học	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		46.	Ngôn ngữ Đức	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
		47.	Ngôn ngữ Anh	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
		48.	Đông phương học	FIBAA	2022	Đạt	22/3/2023	21/3/2028
		49.	Nhân học	AUN-QA	2023	Đạt	26/11/2023	25/11/2028
		50.	Địa lý	AUN-QA	2023	Đạt	26/11/2023	25/11/2028
		51.	Cử nhân Tâm lý học	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
		52.	Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		53.	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
8.	Trường Đại học Quốc tế - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	54.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2017	Đạt	05/11/2017	04/11/2022
				ASIIN	2023	Đạt	10/10/2023	13/10/2024
		55.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016
					2017	Đạt	05/01/2017	04/11/2022
				ASIIN	2023	Đạt	11/7/2023	14/7/2024
		56.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2012	Đạt	14/01/2013	13/01/2017
					2017	Đạt	05/01/2017	04/01/2022
				ACBSP	2023	Đạt	02/01/2024	15/9/2033
		57.	Điện tử viễn thông	AUN-QA	2013	Đạt	03/5/2013	02/5/2017
		58.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
		59.	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	2015	Đạt	10/5/2016	09/5/2019
				ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		60.	Công nghệ Sinh học (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2022
61.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022		
62.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022		
63.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		64.	Kỹ thuật Xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	11/11/2023
				ASIIN	2023	Đạt	09/4/2024	12/4/2025
		65.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	ABET	2019	Đạt	30/9/2019	30/9/2025
		66.	Quản trị kinh doanh (Trình độ Thạc sỹ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		67.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		68.	Toán ứng dụng	AUN-QA	2022	Đạt	23/01/2023	22/01/2028
		69.	Công nghệ Thông tin	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
		70.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	ASIIN	2023	Đạt	10/10/2023	13/10/2024
		71.	Kỹ thuật môi trường	ASIIN	2023	Đạt	09/4/2024	12/4/2025
		72.	Khoa học Dữ liệu	ASIIN	2023	Đạt	09/4/2024	12/4/2025
		73.	Kỹ thuật Không gian	ASIIN	2023	Đạt	09/4/2024	12/4/2025
9.	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	74.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
				ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
		75.	Hóa học	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
		76.	Sinh học	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022
77.	Công nghệ Sinh học (CTĐT Thạc sỹ)	AUN-QA	2018	Đạt	12/11/2018	11/11/2023		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		78.	Công nghệ Sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024
		79.	Khoa học vật liệu	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		80.	Khoa học máy tính (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		81.	Toán học	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	30/9/2028
		82.	Vật lý học	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	30/9/2028
		83.	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	ASIIN	2023	Đạt	24/3/2023	30/9/2028
		84.	Khoa học Vật liệu (CTĐT Thạc sĩ)	AUN-QA	2022	Đạt	23/1/2023	22/1/2028
		85.	Khoa học máy tính	ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
		86.	Kỹ thuật phần mềm	ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
		87.	Hệ thống thông tin	ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
10.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	88.	Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2009	Đạt	12/01/2010	11/01/2014
					2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020
				AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030
		89.	Cơ Điện tử	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
					2022	Đạt	01/09/2022	31/08/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
90.		Kỹ thuật Hàng không	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
91.		Vật liệu tiên tiến	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
92.		Polime - Composite	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
93.		Viễn thông	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
94.		Hệ thống Năng lượng	CTI	2014	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
95.		Xây dựng dân dụng và năng lượng	CTI	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016	
				2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022	
96.		Kỹ thuật cơ khí (Kỹ thuật Chế tạo)	AUN-QA	2011	Đạt	08/01/2012	07/01/2016	
97.		Kỹ thuật cơ khí (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028	
98.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	
99.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	
100.		Kỹ thuật xây dựng công trình biển	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	
101.		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
102.		Kỹ thuật công trình xây dựng (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	
103.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	AUN-QA	2017	Đạt	30/12/2017	29/12/2022	
104.		Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017	
				2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022	
105.		Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2013	Đạt	26/10/2013	25/10/2017	
			ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027	
106.		Khoa học máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019	
				2020	Đạt	2020	30/9/2026	
107.		Kỹ thuật máy tính	ABET	2013	Đạt	2014	2019	
108.		Khoa học máy tính (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026	
109.		Kỹ thuật máy tính (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	ABET	2020	Đạt	2020	30/9/2026	
110.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018	
				2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020	
			AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030	
111.		Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2014	Đạt	10/11/2014	09/11/2018	
			FIBAA	2022	Đạt	29/6/2022	28/6/2027	
112.		Kỹ thuật Điện - Điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019	

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
113.		Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2019	
			AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028	
114.		Cơ kỹ thuật	AUN-QA	2015	Đạt	23/10/2015	22/10/2020	
			ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2027	
115.		Kỹ thuật môi trường (chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh)	AUN-QA	2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2020	
			ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024	
116.		Kỹ thuật điện	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021	
			AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030	
117.		Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	9/2016	Đạt	24/12/2016	23/12/2021	
			ASIIN	2023	Đạt	23/06/2023	14/07/2024	
118.		Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)	FIBAA	2009	Đạt	24/9/2010	23/9/2015	
				2015	Đạt	27/11/2015	26/11/2022	
			ACBSP	2021	Đạt	2021	2026	
119.		Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ Maastricht School of Management-MSM)	ACBSP	2010	Đạt	14/11/2010	2020	
			AMBA	2016	Đạt	2016	2018	
			IACBE	2010	Đạt	5/2010	2017	
120.		Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	05/10/2017	04/10/2022	
121.		Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2018	Đạt	25/01/2018	24/01/2023	
122.		Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024	
123.		Kỹ thuật viễn thông (thạc sĩ)	AUN-QA	2019	Đạt	12/10/2019	11/10/2024	

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
124.		Kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
125.		Kỹ thuật ô tô (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
126.		Kỹ thuật dầu khí	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
127.		Kỹ thuật dầu khí (chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2021	Đạt	04/12/2021	03/12/2026
128.		Kỹ thuật cơ điện tử	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
129.		Kỹ thuật cơ điện tử (chương trình chất lượng cao)	AQAS	2021	Đạt	21/02/2022	30/9/2028
130.		Công nghệ thực phẩm	ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027
131.		Công nghệ sinh học	ASIIN	2021	Đạt	18/3/2022	30/9/2027
132.		Quản lý Tài nguyên và Môi trường	ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2027
133.		Vật lý kỹ thuật	ASIIN	2022	Đạt	24/6/2022	30/9/2027
134.		Kĩ thuật Vật liệu	AUN-QA	2022	Đạt	23/01/2023	22/01/2028
135.		Quản lý xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
136.		Kiến trúc	ASIIN	2023	Đạt	23/6/2023	14/7/2024
137.		Khoa học Máy tính (thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
138.		Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao PFIEV ngành Kỹ thuật Xây dựng – chuyên ngành Kỹ thuật và Quản lý Nước đô thị	CTI	2022	Đạt	01/09/2022	31/08/2028
139.		Kỹ thuật Dệt	AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		140.	Công nghệ May	AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030
		141.	Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng	AQAS	2023	Đạt	15/01/2024	31/01/2030
		142.	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	FIBAA	2023	Đạt	14/06/2024	13/06/2029
		143.	Kỹ thuật vật liệu - Vật liệu công nghệ cao	AUN-QA	2022	Đạt	23/01/2023	22/01/2028
11.	Trường Đại học Kinh tế Luật-ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	144.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		145.	Kinh tế đối ngoại	AUN-QA	2014	Đạt	11/12/2015	10/12/2019
		146.	Kinh tế học	AUN-QA	2016	Đạt	10/5/2016	09/5/2020
				AUN-QA	2023	Đạt	26/11/2023	25/11/2028
		147.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	07/4/2017	06/4/2021
		148.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		149.	Luật dân sự	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		150.	Kinh tế và Quản lý công	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024
		151.	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		152.	Kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
12.	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	153.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
				ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
		154.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023
		155.	Khoa học Máy tính	AUN-QA	2019	Đạt	10/02/2019	09/02/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		156.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2020	Đạt	04/01/2021	03/01/2026
		157.	Kỹ thuật máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	10/10/2021	09/10/2026
		158.	An toàn thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		159.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	12/9/2022	11/09/2027
		160.	Thương Mại Điện Tử	ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
		161.	Hệ thống Thông tin (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	22/3/2024	12/4/2025
13.	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	162.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2013	Đạt	12/7/2013	11/7/2018
		163.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2022
		164.	Kế toán	AUN-QA	2016	Đạt	16/7/2016	15/7/2021
		165.	Kinh doanh quốc tế (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
					2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
		166.	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
					2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
		167.	Kinh doanh (chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
					2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
		168.	Kinh tế phát triển (Việt Nam - Hà Lan chương trình tiếng Anh - Thạc sĩ)	FIBAA	2017	Đạt	15/9/2017	14/9/2022
					2023	Đạt	20/9/2023	13/9/2029
		169.	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
		170.	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024
171.	Tài chính công	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024		
172.	Kinh tế đầu tư	AUN-QA	2019	Đạt	30/6/2019	29/6/2024		
173.	Bất động sản	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		174.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		175.	Kinh doanh thương mại	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		176.	Marketing	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		177.	Kế toán	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		178.	Kiểm toán	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
		179.	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
		180.	Luật Kinh tế	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
		181.	Luật Kinh doanh quốc tế	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
14.	Trường Đại học Bách khoa - ĐH Đà Nẵng	182.	Kỹ thuật cơ khí - chuyên ngành Sản xuất tự động (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
					2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
		183.	Kỹ thuật điện - chuyên ngành Tin học công nghiệp (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
					2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
		184.	Công nghệ thông tin - chuyên ngành công nghệ phần mềm (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	2014	Đạt	2014	19/02/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
					2022	Đạt	01/09/2022	31/8/2028
		185.	Chương trình tiên tiến Điện tử - Viễn thông (ECE - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021
					2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
186.	Hệ thống nhúng (ES - Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2016	Đạt	14/11/2016	13/11/2021		
187.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023		
		ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029		
188.	Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
189.		Kỹ thuật Dầu khí	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
190.		Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2018	Đạt	05/5/2018	04/5/2023
191.		Kiến trúc	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
192.		Kinh tế xây dựng	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
193.		Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	AUN-QA	2018	Đạt	11/11/2018	10/11/2023
194.		Kỹ thuật cơ khí - Chuyên Cơ khí Động lực	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
195.		Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
196.		Kỹ thuật Công trình Xây dựng	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
197.		Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2020	Đạt	30/11/2020	29/11/2025
198.		Hệ thống Nhúng và IoT (ES và IoT) (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
199.		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
200.		Quản lý công nghiệp	AUN-QA	2022	Đạt	13/6/2022	12/6/2027
201.		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
202.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
203.		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	22/9/2023	13/10/2024
204.		Kinh tế xây dựng	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
205.		Quản lý tài nguyên và Môi trường	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
206.		Quản lý xây dựng (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		207.	Kỹ thuật Điện	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
		208.	Kỹ thuật Điện (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
		209.	Công nghệ thông tin (ngoại ngữ Nhật)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029
		210.	Khoa học máy tính (CTĐT thạc sĩ)	ASIIN	5/2023	Đạt	08/12/2023	30/9/2029
		211.	Kỹ thuật nhiệt	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		212.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		213.	Kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
		214.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2023	Đạt	15/7/2023	14/7/2028
15.	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	215.	Tin học công nghiệp	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		216.	Hệ thống thông tin và truyền thông	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		217.	Cơ khí hàng không	CTI ENAEE	2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					3/2016	Đạt	26/01/2017	31/8/2023
		218.	Truyền thông và mạng máy tính	AUN-QA	2013	Đạt	06/5/2013	05/5/2018
		219.	Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022
220.	Kỹ thuật y sinh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022		
221.	Khoa học và kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	7/2017	Đạt	06/8/2017	05/8/2022		
		ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024		
222.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
				09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
223.		Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
				09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
224.		Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
				09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
225.		Kỹ thuật vật liệu	AUN-QA	10/2017	Đạt	12/11/2017	11/11/2022
				09/2022	Đạt	23/10/2022	22/10/2027
226.		Kỹ thuật Điện	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
227.		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
228.		Kỹ thuật Cơ khí động lực	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
229.		Kỹ thuật Sinh học	AUN-QA	6/2019	Đạt	27/3/2020	26/3/2025
230.		Kỹ thuật Hàng không	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
231.		Kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
232.		Hóa học	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
233.		Kỹ thuật thực phẩm	AUN-QA	9/2021	Đạt	24/10/2021	23/10/2026
234.		Kỹ thuật In	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
235.		Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
236.		Vật lý kỹ thuật	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
237.		Kỹ thuật Dệt	AUN-QA	12/2021	Đạt	24/1/2022	23/1/2027
238.		CNTT Việt Nhật	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
239.		Kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
240.		Tiếng anh chuyên nghiệp quốc tế	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
241.		Toán – Tin	AUN-QA	5/2022	Đạt	27/6/2022	26/6/2027
242.		Cơ điện tử (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
243.		Cơ điện tử (chương trình liên kết Đại học Nagaoka – Nhật Bản)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
244.		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa ((Chương trình tiên tiến))	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
245.		Kỹ thuật Điện tử - viễn thông (Chương trình tiên tiến)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
246.		Kỹ thuật Điện tử - viễn thông (liên kết Đại học Leibniz Hannover)	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
247.		Khoa học máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
248.		Kỹ thuật máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
249.		Global ICT	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
250.		Tài năng khoa học máy tính	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
251.		Quản trị kinh doanh	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
252.		Kinh tế công nghiệp	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
253.		Quản lý công nghiệp	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
254.		Tài chính ngân hàng	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
255.		Kế toán	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
256.		Hệ thống thông tin quản lý	ASIIN	11/2022	Đạt	11/4/2023	14/4/2024
257.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	3/2022	Đạt	01/9/2022	31/8/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		258.	Cơ khí hàng không (Chương trình Chất lượng cao PFIEV)	CTI ENAEE	3/2022	Đạt	01/9/2022	31/8/2028
16	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	259.	Cơ sở hạ tầng giao thông (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		260.	Kỹ thuật đô thị (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	01/3/2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
		261.	Xây dựng công trình thủy (Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp)	CTI ENAEE	2004	Đạt	02/3/2004	2009-2010
					2010	Đạt	01/9/2010	31/8/2016
					2016	Đạt	01/9/2016	31/8/2022
17	Trường Đại học Cần Thơ	262.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2013	Đạt	15/7/2013	14/7/2018
		263.	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2019
					2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		264.	Công nghệ sinh học (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2014	Đạt	15/11/2014	14/11/2019
		265.	Kinh doanh Quốc tế	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		266.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2018	Đạt	27/8/2018	26/8/2023
		267.	Kỹ thuật Phần mềm	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		268.	Mạng Máy tính và Truyền thông dữ liệu	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
269.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026		

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		270.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/4/2021	24/4/2026
		271.	Quản lý Đất đai	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		272.	Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		273.	Khoa học Cây trồng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		274.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		275.	Bảo vệ Thực vật	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		276.	Toán ứng dụng	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
		277.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	AUN-QA	2022	Đạt	11/12/2022	10/12/2027
17.	Trường Đại học FPT	278.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2019	Đạt	21/11/2019	20/11/2029
		279.	Công nghệ thông tin	AQAS	9/2023	Đạt	26/02/2024	31/3/2030
18.	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	280.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		281.	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		282.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	AUN-QA	3/2016	Đạt	17/4/2016	16/4/2020
		283.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	12/2016	Đạt	04/4/2017	03/4/2022
		284.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - truyền thông	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		285.	Công nghệ Chế tạo máy	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		286.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		287.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	11/2017	Đạt	09/12/2017	08/12/2022
		288.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		289.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		290.	Quản lý công nghiệp	AUN-QA	12/2018	Đạt	12/01/2019	11/01/2024
		291.	Công nghệ May	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		292.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		293.	Công nghệ kỹ thuật in	AUN-QA	11/2019	Đạt	14/12/2019	13/12/2024
		294.	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	12/2022	Đạt	01/01/2023	31/12/2027
		295.	Kế toán	AUN-QA	12/2022	Đạt	01/01/2023	31/12/2027
		296.	Kỹ thuật Y sinh	AUN-QA	12/2022	Đạt	01/01/2023	31/12/2027
19.	Trường Đại học Y tế Công cộng	298.	Y tế công cộng (CTĐT Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	22/3/2016	21/3/2021
					2023	Đạt	16/4/2023	15/4/2028
		299.	Quản lý bệnh viện (CTĐT Thạc sỹ)	AUN-QA	2016	Đạt	24/01/2017	23/01/2022
					2023	Đạt	16/4/2023	15/4/2028
300.	Y tế công cộng	AUN-QA	2017	Đạt	23/02/2018	22/02/2023		
20.	Trường Đại học Hoa Sen	301.	Marketing	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		302.	Quản trị kinh doanh	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		303.	Quản trị nhân lực	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		304.	Kế toán	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025
		305.	Tài chính - Ngân hàng	ACBSP	2015	Đạt	19/11/2015	19/11/2025

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		306.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		307.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	04/5/2019	03/5/2024
		308.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		309.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		310.	Thiết kế nội thất	AUN-QA	2021	Đạt	18/7/2021	17/7/2026
		311.	Mạng máy tính	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027
		312.	Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027
		313.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	26/9/2022	25/9/2027
		314.	Ngôn ngữ Anh	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		315.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
		316.	Kinh Doanh Quốc tế	FIBAA	2022	Đạt	30/11/2022	29/11/2027
21.	Trường Đại học Thủy lợi	317.	Kỹ thuật xây dựng	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
		318.	Kỹ thuật tài nguyên nước	AUN-QA	2017	Đạt	16/02/2018	15/02/2023
22.	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	319.	Khoa học và công nghệ	HCERES	2016	Đạt	20/3/2017	20/3/2022
23.	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	320.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		321.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		322.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023
		323.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	AUN-QA	2018	Đạt	08/7/2018	07/7/2023

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
324.		Kế toán		AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
325.		Công nghệ kỹ thuật Ô tô		AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
326.		Ngôn ngữ Anh		AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
327.		Quản trị kinh doanh		AUN-QA	2019	Đạt	08/9/2019	07/9/2024
328.		Thương mại điện tử		AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
329.		Công nghệ may		AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
330.		Công nghệ kỹ thuật nhiệt		AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
331.		Công nghệ kỹ thuật máy tính		AUN-QA	2021	Đạt	22/11/2021	21/11/2026
332.		Công nghệ kỹ thuật Cơ khí		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
333.		Công nghệ Chế tạo máy		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
334.		Công nghệ Thông tin		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
335.		Hệ thống Thông tin		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
336.		Công nghệ Thực phẩm		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
337.		Công nghệ Sinh học		ABET	2021	Đạt	30/9/2022	30/9/2028
338.		Khoa học máy tính		AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
339.		Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử		AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
340.		Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa		AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028
341.		Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm		AUN-QA	2023	Đạt	27/5/2023	26/5/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
24.	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	342.	Thú y	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		343.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2017	Đạt	07/01/2018	06/01/2023
		344.	Kinh tế nông nghiệp	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		345.	Nông học	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		346.	Cơ khí chế biến bảo quản nông sản thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		347.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2019	Đạt	12/01/2020	11/01/2025
		348.	Nuôi trồng thủy sản	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		349.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		350.	Chế biến lâm sản	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		351.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	08/8/2022	07/8/2027
		352.	Thú y	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
		353.	Công nghệ thực phẩm (chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
		354.	Quản lý đất đai	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
		355.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2023	Đạt	01/7/2023	30/6/2028
25.	Trường Đại học Ngoại thương	356.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		357.	Quản trị kinh doanh quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		358.	Ngân hàng và tài chính quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024
		359.	Kinh tế quốc tế (Chương trình chất lượng cao)	AUN-QA	2019	Đạt	18/02/2019	17/02/2024

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		360.	Kinh tế đối ngoại (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		361.	Quản trị kinh doanh (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		362.	Tài chính - ngân hàng định hướng nghiên cứu (Thạc sĩ)	AUN-QA	2021	Đạt	16/8/2021	15/8/2026
		363.	Kế toán – Kiểm toán (theo định hướng ACCA)	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		364.	Luật kinh tế	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
26.	Trường Đại học Duy Tân	365.	Kỹ thuật Mạng	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		366.	Hệ thống Thông tin Quản lý	ABET	2018	Đạt	8/2019	30/9/2025
		367.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	ABET	2019	Đạt	8/2020	30/9/2026
27	Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	368.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		369.	Kế toán	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
		370.	Kiểm toán	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		371.	Kinh doanh quốc tế	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		372.	Marketing	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		373.	Kinh doanh thương mại	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		374.	Kinh tế	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		375.	Quản trị nhân lực	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		376.	Hệ thống thông tin quản lý	AUN-QA	2023	Đạt	09/12/2023	08/12/2028
		377.	Tài chính doanh nghiệp	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		378.	Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
		379.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
		380.	Quốc tế học	AUN-QA	2019	Đạt	20/3/2019	19/3/2024
28	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	381.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	10/11/2019	09/11/2024
		382.	Đông phương học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		383.	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	27/9/2021	26/9/2026
		384.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2018	Đạt	20/12/2019	19/12/2024
29	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	385.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		386.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		387.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2022	Đạt	04/12/2022	03/12/2027
		388.	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
30	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	389.	Khoa học môi trường	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		390.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		391.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	20/7/2019	19/7/2024
		392.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		393.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		394.	Tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		395.	Toán Ứng dụng	AUN-QA	2021	Đạt	29/01/2021	28/01/2026
		396.	Quan hệ lao động	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		397.	Quy hoạch vùng và đô thị	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		398.	Xã hội học	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		399.	Việt Nam học- chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch	FIBAA	2021	Đạt	25/11/2021	24/11/2026
		400.	Kiến trúc	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo	Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
401.		Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
402.		Bảo hộ lao động	AUN-QA	2021	Đạt	01/11/2021	31/10/2026
403.		Dược	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028
404.		Kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028
405.		Thiết kế nội thất	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028
406.		Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	22/01/2023	21/01/2028
407.		Luật	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
408.		Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
409.		Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
410.		Marketing	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
411.		Kinh doanh quốc tế	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
412.		Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
413.		Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Nhà hàng - Khách sạn	FIBAA	2023	Đạt	20/9/2023	19/9/2028
414.		Khoa học máy tính	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
415.		Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
416.		Kỹ thuật xây dựng	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
417.		Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
418.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
419.		Kỹ thuật Điện	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
420.		Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
421.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
422.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (trình độ thạc sĩ)	ASIIN	2023	Đạt	08/12/2023	19/01/2025
423.		Kế toán (trình độ thạc sĩ)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
424.		Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		425.	Quản lý thể dục thể thao - chuyên ngành Kinh doanh và tổ chức sự kiện	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
		426.	Quản lý thể thao thể thao - chuyên ngành Golf	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
31	Trường Đại học Trà Vinh	427.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		428.	Kinh tế	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		429.	Tài chính - ngân hàng	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		430.	Kế toán	FIBAA	2019	Đạt	22/11/2019	21/11/2024
		431.	Thủy sản	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
		432.	Thú y	AUN-QA	2019	Đạt	30/11/2019	29/11/2024
		433.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		434.	Quản lý kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		435.	Luật	FIBAA	2021	Đạt	23/3/2022	22/3/2027
		436.	Nông nghiệp	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
		437.	Ngôn ngữ Khmer	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
		438.	Điều dưỡng	AUN-QA	2021	Đạt	30/8/2021	29/8/2026
		439.	Công nghệ thông tin	ABET	2021	Đạt	30/01/2022	29/01/2023
32	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	440.	Quản trị kinh doanh	IACBE	2019	Đạt	30/3/2020	30/4/2027
33	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	441.	Tài chính	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
		442.	Ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
		443.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
		444.	Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
		445.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		446.	Tài chính- Ngân hàng	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
34.	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	447.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		448.	Tài chính - ngân hàng	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		449.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		450.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2019	Đạt	13/10/2019	12/10/2024
		451.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		452.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		453.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
		454.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2022	Đạt	21/02/2022	20/02/2027
35	Trường Đại học Thủ Dầu Một	455.	Kỹ thuật điện	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		456.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		457.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		458.	Hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	19/01/2020	18/01/2025
		459.	Khoa học Môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		460.	Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		461.	Hệ thống thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027
		462.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	24/7/2022	23/7/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
36	Trường Đại học Việt Đức	463.	Kỹ thuật Điện và Máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		464.	Tính toán kỹ thuật và Mô phỏng trên máy tính	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		465.	Cơ điện tử và Công nghệ cảm biến	ASIIN	2019	Đạt	13/01/2020	30/9/2025
		466.	Khoa học máy tính	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		467.	Kỹ thuật cơ khí	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		468.	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		469.	Kỹ thuật và Quản lý sản xuất (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
		470.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	ACQUIN	2021	Đạt	05/10/2022	30/9/2028
37	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	471.	Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		472.	Dược học	AUN-QA	2021	Đạt	28/7/2021	27/7/2026
		473.	Điều dưỡng	AUN-QA	2022	Đạt	02/01/2023	01/01/2028
		474.	Răng Hàm Mặt	AUN-QA	2022	Đạt	02/01/2023	01/01/2028
		475.	Y tế công cộng	AUN-QA	2022	Đạt	02/01/2023	01/01/2028
		476.	Y học cổ truyền	AUN-QA	2022	Đạt	02/01/2023	01/01/2028
		477.	Y học dự phòng	AUN-QA	2023	Đạt	03/9/2023	02/9/2028
		478.	Phục hồi chức năng	AUN-QA	2023	Đạt	03/9/2023	02/9/2028

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		479.	Y học cổ truyền (CTĐT thạc sĩ)	AUN-QA	2023	Đạt	03/9/2023	02/9/2028
		480.	Điều dưỡng (CTĐT thạc sĩ)	AUN-QA	2023	Đạt	03/9/2023	02/9/2028
38	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	481.	Khoa học cây trồng tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023
		482.	Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến	AUN-QA	2018	Đạt	23/4/2018	22/4/2023
39	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	483.	Kinh tế (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		484.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		485.	Quản trị kinh doanh (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		486.	Tài chính - Ngân hàng (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	28/5/2021	27/5/2026
		487.	Kế toán (Thạc sĩ)	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		488.	Kiểm toán	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		489.	Kinh tế	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		490.	Quản trị kinh doanh	FIBAA	2021	Đạt	23/03/2022	22/03/2027
		491.	Kế toán	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		492.	Khoa học máy tính	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		493.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027
		494.	Tài chính - Ngân hàng	AUN-QA	2021	Đạt	17/01/2022	16/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		495.	Kế toán (chất lượng cao)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
		496.	Luật kinh tế (chất lượng cao)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
		497.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
		498.	Tài chính – Ngân hàng (chất lượng cao)	FIBAA	2024	Đạt	14/6/2024	13/6/2029
42	Trường Đại học Văn Lang	499.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		500.	Thiết kế đồ họa	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		501.	Quản trị khách sạn	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
		502.	Kế toán	AUN-QA	2022	Đạt	14/02/2022	13/02/2027
43	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	503.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
		504.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	AUN-QA	2019	Đạt	28/12/2019	27/12/2024
44	Trường Đại học Vinh	505.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
		506.	Sư phạm Toán học	AUN-QA	2021	Đạt	23/5/2021	22/5/2026
45	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	507.	Sư phạm Hóa học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		508.	Sư phạm Vật lý	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		509.	Giáo dục Tiểu học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026
		510.	Tâm lý học	AUN-QA	2021	Đạt	21/6/2021	20/6/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		511.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		512.	Ngôn ngữ Trung Quốc	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		513.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
		514.	Ngôn ngữ Pháp	AUN-QA	2022	Đạt	22/5/2022	21/5/2027
46	Trường Đại học Lạc Hồng	515.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		516.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	AUN-QA	2019	Đạt	01/6/2019	31/5/2024
		517.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		518.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		519.	Kế toán kiểm toán	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		520.	Dược	AUN-QA	2021	Đạt	25/6/2021	24/6/2026
		521.	Đông Phương học – Nhật bản học	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		522.	Tài chính ngân hàng	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		523.	Công nghệ Kỹ thuật Công trình xây dựng	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
		524.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2023	Đạt	09/4/2023	08/4/2028
47	Trường Đại học Y dược - Đại học Thái Nguyên	525.	Bác sỹ Y khoa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		526.	Điều dưỡng	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
48	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	527.	Sư phạm Toán	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
		528.	Sư phạm Hóa	AUN-QA	2021	Đạt	05/4/2021	04/4/2026
49	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên	529.	Chăn nuôi Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		530.	Thú y	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		531.	Công nghệ Thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	17/10/2021	16/10/2026
		532.	Quản lý Tài nguyên rừng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		533.	Quản lý Đất đai	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
		534.	Quản lý Cây trồng	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
50	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	535.	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		536.	Kỹ thuật môi trường	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		537.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
		538.	Kỹ thuật cơ điện tử	AUN-QA	2021	Đạt	08/11/2021	07/11/2026
51	Khoa Quốc tế- ĐH Thái Nguyên	539.	Kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	08/5/2022	07/5/2027
52	Trường Đại học An Giang - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	540.	Công nghệ thực phẩm	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		541.	Công nghệ thông tin	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		542.	Sư phạm Ngữ văn	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
		543.	Su phạm tiếng Anh	AUN-QA	2021	Đạt	10/01/2022	09/01/2027
		544.	Công nghệ sinh học	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
		545.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
		546.	Su phạm toán học	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
		547.	Ngôn ngữ anh	AUN-QA	2022	Đạt	10/7/2022	9/7/2027
53	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	548.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
54	Trường Đại học Giao thông Vận tải	549.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		550.	Kỹ thuật ô tô	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
		551.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	AUN-QA	2022	Đạt	20/6/2022	19/6/2027
55	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	552.	Kỹ thuật phần mềm	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		553.	Tự động hoá	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		554.	Quản trị Văn phòng	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
		555.	Công nghệ Thông tin	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
		556.	Kỹ thuật điện tử viễn thông	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027
56	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	557.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
		558.	Marketing	AUN-QA	2023	Đạt	22/7/2023	08/10/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
57	Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Thái Nguyên	559.	Sư phạm Tiếng Anh	AUN-QA	2022	Đạt	09/10/2022	08/10/2027
58	Trường Quản trị và Kinh doanh - Đại học Quốc gia Hà Nội	560.	Quản trị và An Ninh	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		561.	Marketing và truyền thông	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		562.	Quản trị Doanh nghiệp và Công nghệ	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		563.	Quản trị nhân lực và nhân tài	ACQUIN	03/2023	Đạt	25/9/2023	25/6/2025
		564.	Quản trị Kinh doanh (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		565.	Quản trị Công nghệ và Phát triển doanh nghiệp (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		566.	Quản trị An ninh phi truyền thông (Thạc sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
		567.	Quản trị và Phát triển bền vững (Tiến sĩ)	ACQUIN	03/2023	Đạt	04/12/2023	04/9/2025
59	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	568.	Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
		569.	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
60	Phân hiệu Đại học Thái Nguyên (tại Lào Cai)	570.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
		571.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	AUN-QA	2023	Đạt	24/9/2023	23/9/2028
61	Trường Đại học Anh quốc Việt Nam	572.	Tài chính và Kinh tế	QAA	2023	Đạt	12/12/2022	11/12/2027
		573.	Quản trị khách sạn	QAA	2023	Đạt	12/12/2022	11/12/2027

STT	Cơ sở giáo dục	Tên chương trình đào tạo		Tổ chức đánh giá	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Giấy chứng nhận/công nhận	
							Ngày cấp	Giá trị đến
62	Trường Đại học Khoa học Sức khỏe - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	574.	Y khoa	AUN-QA	2023	Đạt	26/11/2023	25/11/2028

(Danh sách có 1.999 chương trình, bao gồm: 1.425 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước; 574 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài).

Ghi chú:

Stt	Chữ viết tắt	Tên tổ chức
1.	VNU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	VNU-HCM CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
3.	CEA-UD	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
4.	CEA-AVU&C	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam
5.	VU-CEA	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh
6.	CEA-THANGLONG	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long
7.	CEA-SAIGON	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn
8.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
9.	CTI	Commission des Titres d'Ingénieur (Ủy ban Văn bằng Pháp)
10.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ, Hoa Kỳ)
11.	ACBSP	Accreditation Council for Business Schools and Programs (Hội đồng Kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ)
12.	FIBAA	Foundation for International Business Administration Accreditation (Quỹ Kiểm định các chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế)
13.	AQAS	Tổ chức Agency for Quality Assurance through Accreditation of Study Programmes (AQAS)
14.	AMBA	Association of MBAs (Hiệp hội MBA)
15.	IACBE	International Accreditation Council for Business Education (Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo Kinh doanh)
16.	ENAAEE	European Network for Accreditation of Engineering Education (Mạng lưới kiểm định đào tạo kỹ thuật của châu Âu)
17.	HCERES	Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp
18.	ASIIN	Tổ chức kiểm định các chương trình đào tạo khối kỹ thuật, công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên và toán học.
19.	ACQUIN	Tổ chức The Accreditation, Certification and Quality Assurance Institute (ACQUIN)
20.	QAA	The Quality Assurance Agency for Higher Education (QAA)